TRI TÂN

> Cái học chân-chính thì thất truyền, người ta đua nhau đổ xô theo thói từ-chương, danh lợi . . . !
>
> La-Sơn, NGUYỄN-HIỆP
>
> *(Hạnh-An văn-tập)*

SỐ 3 — 17 JUIN 1941

TRONG SỐ NÀY :

Can-đảm và hi-sinh của ngòi bút sử
Nước Nam ta về đời Tiền-Lê — *Nguyễn-văn-Tố*
Một chiến-công oanh-liệt — *Tiền-Đàm*
Kho tài liệu của báo Nam-Phong — *Nhân-Nghĩa*
Cùng các nhà văn, nhà báo — *Phạm-mạnh-Phan*
Lịch-sử tơ nhân tạo — *Bạch Diện*
Chiến-tranh với dầu hỏa — *Nhật Nham*
Mỹ hô tống những tầu chở quân nhu cho Anh bằng cách nào — *Ng. Huyền Tĩnh*
Phong-dao, chia loại và giảng nghĩa — *Hoa Bằng*
Truyện ngắn
Tiểu-thuyết lịch sử và nhiều bài xuất-sắc khác.

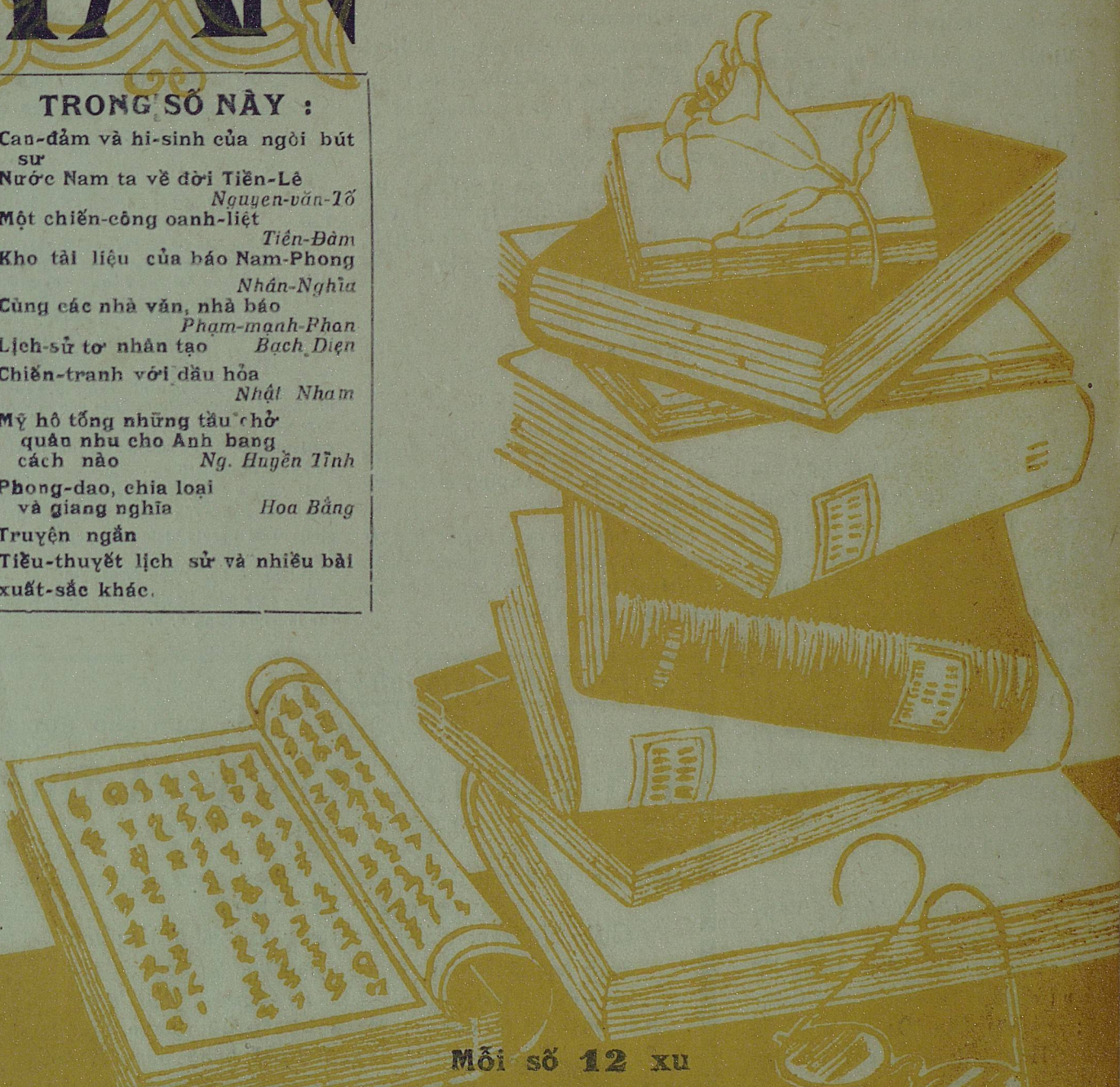

Mỗi số 12 xu

TẠP CHÍ VĂN HOÁ RA NGÀY THỨ BA HÀNG TUẦN

CAN-ĐẢM VÀ HI-SINH CỦA NGÒI BÚT SỬ

NGÒI sử-bút chân-chính xưa, ta nhận thấy, có một tinh-thần can-đảm và hi-sinh lạ-lùng.

Vì tận tụy với chức-vụ, ngòi sử-bút ấy đã hết sức phấn-đấu với bất cứ sức ngăn-trở nào.

Vì thờ sự-thực, nó đã tỏ ra can-đảm trước những quyền-thế tuyệt-đối, uy-võ gớm-ghê...

Vì trọng danh-dự, nó đã trung-tín ôm-ấp chủ-nghĩa đến phút cuối cùng, vui lòng xông vào chỗ chết.

Những đức-tính ấy, những tinh thần ấy, ta còn thấy sống và động mãi trên trang tiểu-sử các sử-gia trứ-danh.

Đồng-Hồ, một sử-gia nước Tấn, cứ thẳng thắn, cứ can đảm chép: «Triệu-Thuẫn giết vua!» Cái lối chép sử không kiêng-sợ, không giấu-giếm ấy đã được Khổng phu-tử khen ngợi: «Đồng-Hồ là tay lương-lại đời xưa!»

Hai anh em thái-sử nước Tề chỉ vì thờ chân-lý, trọng ngòi bút, không sợ sệt một quyền lực tối cao, cứ mạnh bạo chép trước lưỡi gươm của Thôi-Trữ. Rút cục, anh trước, em sau, cả hai đều bị họ Thôi giết chết chỉ vì dám chép cái tội của Thôi.

Trong bài *Chính-khí ca*, Văn-Thiên-Tường có viết: «*Tại Tề, thái-sử giản; tại Tấn, Đồng-Hồ bút*» (ở nước Tề có thẻ của thái-sử; ở nước Tấn có ngòi bút của Đồng-Hồ): chính là chỉ về hai chuyện trên đây.

Nói đến ngòi đại-sử-bút của Đông-phương, người ta tất phải đặt Tư-mã-Thiên (1) vào «chỗ ngồi danh-dự».

Được cha là Đàm trau-giồi kích-lệ, nối dòng nhà làm chức thái-sử, Tư-Mã-Thiên hăng-hái đi đường «soạn thuật», không hề sợ gió bụi, ngại chông gai...

Sau, vì mắc nạn Lý-Lăng (2), Thiên phải hủ-hình (phải thiến), một thứ hình-phạt rất nhục-nhã, một cái không may lớn của người đời!

Càng âm thầm đau đớn, Thiên càng rán sức, gắng công, cố lập lấy sự-nghiệp nghìn thu không nát.

Kể về sự-nghiệp sử-học, Tư-mã-Thiên có thể đứng ngang hàng với Edouard Gibbon (3), Thomas Macaulay (4) và Augustin Thierry (5) mà không thẹn.

Sở dĩ hái được kết quả rực rỡ như kia, chính vì Tư-mã-Thiên đã dâng trọn mình làm hi-sinh trên bàn thờ «sử-học».

Cái chết của anh em thái-sử và Đồng-Hồ đã bừng lên những hào-quang chói-lòa, rực-rỡ.

Cái sống đau đớn mà nhẫn nại của Tư-mã-Thiên đã nảy được bông thơm tho, trái ngon ngọt.

Người xưa đã cúc cung tận tụy với chức-vụ thiêng-liêng...

Tri-Tân

(1) Tri-Tân sẽ có bài nói kỹ về Tư-Mã-Thiên.

(2) Lý-Lăng, tên tự là Thiếu-Khanh, người Thành-kỷ đời Hán, được phong Kỵ-đô-úy. Dưới triều Hán Vũ-Đế, Lăng tự đem 5.000 quân bộ-kỵ, tổ-chức làm một đội, đi đánh Hung-nô. Lăng kiệt sức, phải xuống hàng giặc. Hán-Vũ giận lắm. Song Tư-Mã-Thiên cứ quả-quyết với vua Hán rằng Lý-Lăng là người trung-thành, không khi nào chịu phản-quốc, chẳng qua vì tình-thế bắt-buộc đó thôi. Vì vậy, Thiên bị khép vào hủ-hình!

(3) Nhà sử-học Anh (1737-1796), tác-giả pho « Histoire de la décadence et de la chute de l'empire romain *»...*

(4) Sử-gia kiêm chính-khách Anh (1800-1859). Tác-phẩm của ông là Histoire d'Angleterre *và* Essais historiques et biographiques, v. v.

(5) Nhà sử-học Pháp (1795-1856), có viết những sách như Récits mérovingiens, Essai sur le Tiers État, v. v.

CÁC BẠN MUỐN HỌC CHỮ HÁN

nên mua cho được

HÁN VĂN TÂN GIÁO KHOA THƯ

漢文新教科書

(Méthode moderne d'Enseignement des Caractères chinois)

soạn giả: Lê-Thước

Giải-Nguyên, giáo-sư trường cao-đẳng tiểu-học

Sách học chữ nho rất tốt, học hết bộ này có thể bút-đàm với người Tầu và người Nhật được

Mỗi bộ gồm 5 quyển giá cả bộ 1p.60. Cước 0p.38

Đề cho hiệu sách Đông-Tây, 193 phố hàng Bông Hanoi

SỬ-LIỆU SỐNG

MỘT CHIẾN-CÔNG OANH-LIỆT

NGÀY nay, du khách qua chơi Ba-bể (Bắc-Kạn) thấy sơn thủy hữu tình, chỉ biết ngắm xem phong-cảnh, nào ngờ ở đấy, ngót 70 năm trước đấy, có một trận tuyệt chiến giữa quân ta và giặc tầu.

Năm Tự-Đức thứ 26 (1873), một bọn giặc khách ước chừng một vạn (?) do viên tướng giặc là Lý-dương-Tài nổi lên cướp phá biên-giới. Đề-đốc Quảng-tây là Phùng-tử-Tài vâng lệnh vua Thanh, đưa thư sang cho quan tham tán đại thần lĩnh Ninh Thái Tổng-đốc là Tôn-thất-Thuyết để hội đồng đánh giặc.

Lúc ấy, quân giặc tầu bị hai cánh quân ta và Thanh đánh, phải lui về giữ Ba-bể, một cái còn ba phía là núi bích-lập, một phía là bể, lối vào chỉ có một con đường độc-đạo.

Tướng giặc sai một mặt đắp ụ đất và chắn ván gỗ làm lấp hẳn đường ấy, một mặt chuyên-vận lương khô, rồi cứ ở trong thủ hiểm, cố giữ hàng mấy tháng giời. Quan quân không sao phá nổi sào huyệt của giặc!

Trong hàng bộ-tướng của Tôn-thất-Thuyết lúc ấy có Ông Ich Khiêm (1), một danh tướng có kỳ tài.

Ông Ich-Khiêm vì kiêu-ngạo, nên đang làm tiễu-phủ-sứ thì bị cách, phải đi hiệu-lực dưới quyền Tôn-thất-Thuyết.

Thuyết ra hạn cho Ich-khiêm: trong 15 hôm, nếu không phá nổi đám giặc Lý-dương-Tài ở Ba-bể, thì bị chém.

Ich-Khiêm lĩnh mệnh đi ngay. Một sự kỳ-lạ: chỉ đem theo có 80 người đốc chiến, phần đông là võ-cử

Cuối tháng một. Gió bắc bắt đầu thổi. Đêm đến, giời tối sầm. Ich-Khiêm truyền cho 80 người thủ-hạ, bỏ hết quần áo cho gọn, rồi đem theo cơm lam và mỗi người mang một thanh gươm, bốn phía có 4 người mang mã-la (đồng la).

Suốt trong 10 đêm, ngày, họ trèo xuyên sơn qua những dãy núi bích-lập. Đến đêm thứ mười, 80 người đều đã đến ngọn núi.

Ich-khiêm ám truyền cả bọn cởi trần cả. Rồi ông giòng giây tự tụt xuống trước; 80 người kia xuống theo. Ông ra lệnh hễ gặp người mặc áo thì giết. Bốn phía nổi mã la, bọn ông ập vào chỗ giặc đóng.

Quân Tàu đang ở yên, cứ tưởng sào-huyệt kiên-cố kín đáo, không có lối nào hở cho ai vào được. Nay thình-lình nghe tiếng mã-la, chúng đều rối-loạn: thôi thì mạnh ai nấy chạy, chẳng còn trật-tự gì nữa.

Ich-Khiêm và 80 thủ-hạ cứ nhằm người mặc áo, tha hồ chém giết khác nào đàn hổ đói lăn vào bầy dê, giết mỏi tay không hết. Còn bao nhiêu đều giày xéo lên nhau hoặc chết trong loạn quân, hoặc lăn xuống bể.

Mờ sáng hôm sau, cả đám quân tàu ngót vạn (?) người đều bị chết hết. Tướng Lý-dương-Tài cũng chết trong đám loạn quân.

Sau trận này, Ông Ich-Khiêm xét lại, thì 80 thủ-hạ còn nguyên, nhưng người nào cũng như tắm ở trong bể máu. Bắt được 300 ngựa chiến và 370 gái người Nam mà lũ giặc kia đã nhốt vào hang núi để cung phần nhục-dục.

Ông Ich-Khiêm truyền đưa bọn gái này về phủ Yên-thế để tư cho về nguyên-quán.

Hát bài thắng trận, Ich-Khiêm và 80 người thuộc tướng thẳng đường về Bắc-Ninh.

Rủi lại về vào nửa đêm, cửa thành đóng chặt, gọi mãi không ai mở, Ông Ich Khiêm tức mình, lăng mạ cả quan coi cửa thanh. Quan Ninh-Thái Tổng Đốc là Tôn thất Thuyết được tin, giận lắm, sai mở cửa, cho gọi vào, đã không xét đến chiến công kia thì chớ, lại sai đóng xiềng ông Ich-Khiêm hạ ngục vì tội đã tự tiện dám về trước khi « chưa hết hạn 15 hôm, chưa có lệnh đòi về ». Thì ra, trong khi thắng-thốt, Ông Ich-Khiêm đã làm tờ-trình việc thắng trận giao cho viên đội-lệ Yên-Thế mang về Bắc-Ninh, nhưng tên này đi chậm, mãi hôm sau mới tới. Khi nghe tin Ông Ich-Khiêm bị hạ ngục, viên đội lệ này sợ mắc tội, tự tử chết!

Tôn-thất-Thuyết làm sớ tâu về Kinh. Vua Dực-Tôn vốn yêu Ông Ich-Khiêm, bèn xuống chỉ cho giải về Kinh làm tội Nhưng, khi Khiêm đến Kinh, Ngài tha ngay ra và lại trọng-dụng như trước.

Cái chiến-công này làm chấn-động cả quân nhà Thanh. Viên Đề-đốc Quảng-tây là Phùng-tử-Tài về tận Bắc Ninh đòi xem mặt Ông Ich-Khiêm, nhưng lúc ấy ông đã sang làm việc dưới quyền khâm-sai Hoàng kế Viêm ở Sơn-tây rồi.

Phùng-tử-Tài đưa thư hỏi Hoàng-kế-Viêm rằng: « Trong hàng tiễu-phủ-sứ của nước Nam được mấy người như vậy? » Hoàng giả nhời: « Được như Ông Ich-Khiêm có đến mươi lăm người. » Câu nói ấy tuy có xa sự thực, nhưng cái chiến công vẻ-vang của viên danh-tướng ấy đã làm kinh động các chú con trời! (2)

TIÊN-ĐÀM

(1) Ông Ich-Khiêm, người tỉnh Quảng-Nam, do cử-nhân xuất thân, đã ngồi tri-huyện Kim-Thành, Hải-dương; sau đi quân thứ, làm tiễu-phủ-sứ.

(2) Thuật theo chuyện kể của một cụ Cử võ, một trong 80 thủ-hạ của Ông Ich-Khiêm đã từng dự trận Ba-Bể.

Số 2

Thử viết VIỆT-NAM VĂN-HỌC-SỬ

HOA-BẰNG

Tiếp theo số 1

CÒN chữ nôm ? Ai đặt ra trước ? Việc này trong sử không thấy chép.

Có người cho rằng chữ Nôm đặt ra từ đời Sĩ-Nhiếp (187-226). Người khác lại nói đời Phùng-Hưng vào khoảng nội thuộc nhà Đường (618 907) đã có chữ nôm, vì trong tôn hiệu của vị cứu-quốc anh-hùng ấy thấy có hai chữ «Bố-cái» đứng trên hai chữ «Đại vương». Song không đủ chứng cớ, nên không thể nói quyết được.

Theo tôi, tôi cho rằng chữ nôm có lẽ cũng từ đời Trần (1225-1399) sáng-chế. Vì, sau khi người ta đã nghĩ đặt ra thơ, phú nôm, lẽ tất-nhiên phải tìm kiếm một thứ chữ để ghi chép lấy. Cứ xem lịch-sử truyền đạo của các giáo-sĩ, hễ họ đi đến một dân-tộc nào chưa có văn-tự, hoặc có rồi nhưng không tiện phổ-thông, thì trước hết họ học cho biết tiếng của dân-tộc đó rồi mới tìm cách đặt chữ sau. Chữ quốc-ngữ của ta và chữ radee của dân Mọi ở Darlac bây giờ đều làm chứng cho lời tôi nói đó. Theo phép quy-nạp, tôi có thể đoán : Chữ nôm được sáng-tạo sau khi lối thơ, phú nôm đã ra đời. Mà có lẽ cũng do ông Hàn-Thuyên, một người có óc phát-minh, sáng-chế ra trước.

May nhờ có chữ nôm để ghi chép trong khi ta chưa có quốc-ngữ, nên những tác-phẩm như Kiều, Nhị độ Mai, Chinh-phụ ngâm, Tần cung oán.. mới còn truyền lại đến giờ.

3· Nuôi được tâm hồn thanh cao. — Nhiều người ngày nay phàn-nàn : cuộc sinh hoạt máy móc của Âu Mỹ bây giờ chỉ cho người ta có cái sướng thích (plaisir) chứ không có cái hạnh-phúc (bonheur). Lời đó không phải không có lý. Nhưng nên nhớ rằng hạnh-phúc bao giờ cũng là tương đối chứ không phải là tuyệt-đối.

Đáng khen các cụ tá xưa : dẫu đương làm vương tướng, tay cầm quyền chính, chân giẫm trên cảnh giầu sang, song những lúc gió gầy đan, trăng dòm song, hoa chúm chím ngậm hạt sương lóng lánh, các cụ vẫn không quên nhả nuốt phong vân, buông hồn lên khoảng thanh-hư trong-trẻo, cao xa, để cùng khép, mở, thao, tung với lao hoa, chơi, đùa, vui, cảm với cảnh thiên-nhiên. Những vua hiền, tướng giỏi xưa không những chỉ lo đánh đông, dẹp bắc, đặt nhân-dân lên chiếu ấm, chăn êm, song lại còn cho bấy giờ và đời sau được nghe câu thơ hùng-tráng, bài văn bóng bẩy là khác nữa.

Đây tôi chỉ nói riêng những bực vương tướng đã dày công nội trị, ngoại nhương, ghi được những trang oanh liệt trên lịch-sử, thế mà vẫn sinh hoạt điềm-đạm như một thi-sĩ nghèo, vẫn nuôi được tâm-hồn thanh cao dẫu mình đương ngồi trên «ghế» quyền-quí.

Tiếc rằng các cụ xưa chỉ riêng chăm-chú vào lối «văn chơi» xao-nhãng hẳn về các chuyên khoa, nên trong món gia tài thiêng-liêng để lại đó không có gì đáng gọi là tư-tưởng, học thuyết mấy.

4· Nhiều truyện đồng-thoại — Khi chúng ta còn bé nũng-nịu nằm trong lòng mẹ, lắng nghe những truyện cổ-tích, tuy có nhiều câu ta không hiểu nghĩa và tin truyện tích là thực, song trong lúc không biết, không ngờ đó, ta đã tiếp nhận lấy biết bao cái đặc chất của một dân-tộc rồi.

Những truyện như Đinh-Tiên Hoàng chăn trâu, Trâu vàng hồ Tây, Thằng Cuội, Tấm Cám... đến nay bấy còn văng vẳng bên tai, không một người nào trong chúng ta là không phảng-phất nhớ. Thật nó cũng có một mãnh-lực ngấm-ngầm về việc giáo dục nhi-đồng, nếu người kể truyện biết lựa truyện mà nói

Còn nữa

THỬ BỚI TÌM TRONG KHO

tài liệu của báo NAM-PHONG

CHẮC có nhiều bạn đồng-ý với chúng tôi rằng báo Nam-Phong là một kho tài-liệu rất qúy-báu, mà các nhà văn, nhà báo, dù đã lành nghề hay mới tập-sự, đều phải tìm-tòi tra cứu chẳng ít thì nhiều.

Ông Thiếu-Sơn, trong một bài nói về báo Nam-phong, có câu này : « ... *Có nhiều người không biết đọc văn Tây, văn Tàu, chỉ nhờ Nam-phong an-đúc mà cũng có được cái tri-thức phổ-thông tam đủ sinh-hoạt ở đời. Có nhiều ông đồ nho chỉ xem Nam-phong mà cũng biết được đại-khái những văn chương học-thuật của Tây phương. Có lắm ông đồ tây chỉ xem Nam-phong mà cũng hiểu qua được cái tinh-thần văn-hóa của Đông-Á ..* »

Thật có như vậy. Trong 18 năm trời, từ 1917 đến 1934, cả thảy 210 tập báo dầy-dặn còn chứa đựng nhiều bài khảo-cứu công-phu.

Ngày nay, nếu chịu khó bới tìm trong các tập báo ấy, từ số 1 (1er Juillet 1917) đến số 210 (16 Décembre 1934), ta sẽ ngạc-nhiên thấy các nhà văn bấy giờ đã tìm-tòi khảo-cứu được nhiều vấn-đề lắm.

Làm công-việc bới tìm trong kho tài-liệu của báo Nam-Phong tôi xin giới-thiệu ra đây, để giúp cho những bạn nào cũng muốn tìm-tòi tra-cứu, nhưng không có cái nhẫn-nại của những « con mọt thư-viện ».

◆

Bạn muốn khảo về «*Lịch sử Trung-hoa* » ? Thì bạn có thể đọc những bài « *Bàn về lịch sử nước Tàu*» của Tùng-Vân, đăng từ số Février đến số Aout 1924 hay những bài *Lược-ký về lịch-sử nước Tàu* » của Đông-Châu dịch, đăng từ số janvier đến số Avril 1928. Tuy vậy, những bài ấy chỉ tóm tắt sơ-lược mà thôi.

Trước đây, ông Nguyễn-khắc-Hiếu cũng có viết được ít bài « *Bắc - sử lược-thuật* » đăng trong « An-nam tạp-chí », nhưng chỉ được vài ba số hồi cuối năm 1930, rồi thôi không đăng tiếp nữa.

Tôi rất buồn rằng trong bao nhiêu nhà học-giả uyên - thâm về phái nho-học của ta, chưa có ai soạn cho ta một cuốn lịch-sử Trung-quốc ! Cho nên những bài của báo Nam phong vẫn còn là những tài liệu có ích cho ta về vấn-đề này.

Bạn muốn khảo về « *Văn-học-sử nước Tàu* » ? Xin bạn xem những bài của Đông-Châu dịch theo quyển « Trung-quốc văn - học - sử » của Vương-mộng-Tăng, đăng từ số Février đến số Octobre 1922.

Bạn muốn khảo về«*Lịch-sử luân-lý học nước Tàu* » ? Thì Nam - phong có hai tập bài : Một là của Đông-Châu dịch sách « Trung-quốc luân-lý-học sử » của Sái-Chấn, đăng từ số Avril 1920 đến số Avril 1921 ; hai là những bài dịch mà nguyên-văn thì của người Nhật - bản (Tam-phố Đằng-tác), do Trương-tôn-Nguyên và Lâm-Khoa đã dịch ra chữ Hán (những bài dịch ra quốc-văn đăng từ số janvier 1932 đến số juillet 1934).

Muốn khảo về «*Học-thuật tư-tưởng nước Tàu*» ? Bạn có thể xem những bài do ông Nguyễn-hữu-Tiến dịch hán-văn của Lương-khải-Siêu, đăng từ số Juin đến số Décembre 1931.

Muốn khảo về « *Phong-tục nước Tàu* » ? Bạn xem những bài đăng từ số Novembre 1926 đến số juin 1927.

Về học-thuật Trung-hoa, bạn còn có thể tra-cứu những bài : « *Nho giáo* » của ông Trần-trọng-Kim đăng từ số Novembre 1922 (đã xuất bản thành sách) ; «*Mạnh-tử quốc-văn giải-thích* », đăng từ số Décembre 1923 (đã xuất-bản thành sách) ; «*Khảo về triết-học Khổng giáo* » (2 số Mai và Août 1924) ; « *Cái tư-tưởng, Khổng-Mạnh* » (juillet 1924) ; « *Khảo-về học-thuyết các môn-đồ Khổng-tử* » (Novembre 1924) ; « *Khảo về học-thuyết Mặc-tử* » (2 số janvier và Mars 1924) ; « *Lịch-sử Vương-dương-Minh* » (Août 1926) ; « *Học-thuyết Vương - dương - Minh* » (Septembre 1926) ; « *Vương-dương-Minh* » (2 số Décembre 1929 và janvier 1930) ; « *Tư-mã-Quang* » (Février và Mars 1930) ; *Tô-đông-Pha* (Avril và Mai 1930) ; *Sự - tích Khổng - phu - Tử* (Septembre 1920) ; *Khảo về nguyên lưu chữ Tàu* » (Avril 1923) ; « *Mẹo văn Tàu* » (Mai 1923) ; « *Các lối văn Tàu* » từ số Juin đến số Août 1923 « *Văn-học nước Tàu sau khi Âu chiến* » (Août 1927).

Ngoài đó, còn có mấy bài này nói về nước Tàu : « *Mười năm dân-chủ ở nước Tàu* » (Juin 1923) ; « *Thời-cục nước Tàu* » (Jan. 1922) ; « *Các nhân-vật trong cuộc cờ nước Tàu* » (Nov. 1925) ; « *Điều-tra về việc nội-loạn ở nước Tàu* » (Janv. 1928) ; « *Nhân-vật trong lịch-sử Trung-hoa* » (Mars 1933).

●

Bạn muốn khảo về lịch-sử, học-thuật, văn-chương *Nhật-bản* ? Xin giới-thiệu với bạn những bài sau này : « *Học-chế Nhật-bản* » (Sept. 1919) ; « *Dân-tộc Nhật-bản* » của ông Nguyễn văn Hiếu (Mars Avril 1924) ; « *Khảo về chế-độ Nhật-bản* » (Juin 1925) ; « *Lịch-sử Nhật-bản* » của ông N. V. Hiếu (Juillet 1925) ; « *Văn-minh Nhật-bản* » (Août 1927) ; « *Lược-ký xứ Nhật-bản* » (từ số Nov. 1928 đến số Mai 1929) ; « *Gương nước Nhật* » (Janvier 1930) ; « *Tên*

Đón coi **Hanoi dưới con mắt nhà học giả Trương-Vĩnh-Ký**

của TIÊN-ĐÀM

giáo Nhật-bản » (từ số Février đến số Mai 1930) ; « *Khảo về hiến-pháp Nhật-bản* » (Aout 1930) ; « *Văn-minh nước Nhật* » (Nov. 1932).

Bạn muốn khảo về *Phật-giáo* ? Thì có những bài này : « *Phật-giáo lược-khảo* » (Oct. 1920) ; « *Khảo về đạo phật* » (Sep. Oct. Déc. 1927).

Về lịch-sử chung của Á-đông, có bài « *Á-đông cận-thế-sử* » (Mars-Avril 1931).

●

Về văn-chương và lịch-sử nước ta, có những bài : « *Khảo về sự thi ta* » (Mai 1919) ; « *Việt-Nam biết chữ Hán từ đời nào* » (Nov. 1919 ; « *Vấn-đề tiếng ta, chữ ta* » (Nov. 1922) ; « *Ông Nguyễn đình Chiểu* » (Oct. 1923) ; « *Khảo về cổ rễ dân An-nam* » (Juin 1924) ; *Lịch sử đời Tây-Sơn* » Juillet 1925) ; « *Lịch-sử xứ Trung-kỳ (Sept. 1925)* ; « *Tiếng Tàu và tiếng ta* » (Juil. 1926) ; « *Cỗi rễ tiếng Việt-Nam* » (Oct. 1926) ; « *Hán-việt văn-tự* » (Aout 1927) ; « *Bảo-tồn Nam-ngữ* » (Oct. Nov. 1927).

« *Khảo về chữ quốc-ngữ* » (Oct. 1927) ; « *Vấn-đề cổ-học Hán-Việt* » (Août 1928) ; « *Lich-sử và gia-thế cụ Nguyễn-Du* » (Oct. 1928) ; « *Một bản dịch Chinh-phụ-ngâm* » (Oct. 1928) ; « *Lịch-sử Tây-Sơn* » (Nov. 1928) ; « *Chữ nôm với quốc-ngữ* » (Mai 1932) ; « *Nguyễn-tràng-Tộ* » (Janv. *1932)* ; « *Nguyễn-triều trong thời-kỳ sơ-khởi* » (*Mai 1933*). Đấy là tôi không kể những bài nói về truyện Kiều và những nhân-vật có ít nhiều tiếng tăm trong lịch-sử Việt-nam, vì những bài ấy nhiều lắm, nhiều lắm.

●

Bây giờ, ra khỏi địa-hạt Trung-hoa, Nhật-bản và Việt-nam, bạn muốn khảo về văn-chương và học-thuyết Thái-Tây ? Thì bạn xem những bài : « *Triết-học nước Pháp* » (từ Février đến Août 1918) ; « *Khảo về luân-lý học-thuyết Thái-Tây* » (từ Mai đến Août 1921) ; *Darwin và Trang-tử* » (Sept. 1924) ; « *Khảo về văn-học-sử nước Pháp* » (Fév. 1925 Juin 1925, Mars 1926, Jan. 1927, Mar 1929, Sept 1929) « *Lịch sử và học-thuyết Rousseau* » (Avril 1926) ; « *Lịch-sử và học-thuyết Montesquieu* » (Août 1926) ; « *Lịch-sử và học-thuyết Voltaire* » (Fév.-Mars 1927) ; « *Triết-học Âu-châu ngày nay* » (Juil. 1927, Oct. 1927, Juin-Juil. 1928) ; « *Lich-sử và triết-học Auguste Comte* » (Mai-Juin 1929), « *Triết-học Bergson* » (Mai 1930) ; « *Bác-sĩ Gustave Le Bon* » (Fév. 1932) ; « *Kinh-tế-học* » (từ Juin đến Août 1918) ; « *Tâm-lý-học* » (Nov-Déc 1924, Fév-Mai-Juin-Déc. 1925, Mars-Mai-Juil.-Aout 1926).

Bạn muốn khảo về chính-trị ? Thì đây, có những bài này : « *Chính trị nước Pháp* » (Jan-Fév-juin-juil.-Nov. *1920*), «*Chủ-nghĩa xã-hội*» (Sept-Oct. 1926) «*Hội Vạn-quốc*» (*Août 1926*); «*Chính-trị-học*» (Mars-Mai 1930); «*Hiến-pháp Vạn-quốc*» (từ Oct. 1930 đến Fév. 1931).

Bạn muốn khảo về lịch sử văn-minh thế-giới ? Xin bạn xem : « *Các thời-kỳ lớn trong lịch-sử văn minh thế-giới* » (Juil. 1921) ; «*Thế giới tiến bộ sử* (từ Sept. đến Déc 1921 và fév. 1923).

Bạn muốn biết tiểu-sử các danh-nhân ? Thì có những bài : «*Berthelot*» (Jan-fév 1918 ; «*Lavoisier Pasteur*» (juin 1919) ; « *Carnégie* » (*Nov. 1919*) ; « *bà Curie*» (juin 1921) ; «*Pasteur*» (Déc 1922) ; «*Poch*» *và «Clémenceau»* (*Oct. 1918*) ; «*Rabindranath Tagore*» (Mai-juin 1924) ; «*Gandhi*» (Août 1930) ; «*Taine và Renan*» (Mai 1931) ; *Tolstoi với Phật-kinh*» (Mai 1932).

Về nước «*Thổ-nhĩ-kỳ*», có hai bài đăng trong số janvier 1930 và số Sept. 1934.

Về «*Lich sử Chiêm-Thành*» có một bài đăng trong số Sept. 1934.

Về « *Cách thức làm báo* », có ba bài đăng trong số Mai, số Juin và số Aout 1932.

X

Tôi rất vui mừng đã làm xong công-việc khó nhọc trên này. Đấy là tôi chỉ kể qua những bài khảo-cứu khá quan-trọng.

Phần nhiều những bài nói về văn-chương, học-thuyết Thái-Tây và văn-minh thế-giới đều đã được in thành sách, trong bộ « Nam-Phong tùng-thư » như : « *Văn-minh luận* », « *Văn-học-sử nước Pháp* » « *Chính-trị nước Pháp* », « *Khảo về tiền-thuyết* », « *Lịch-sử thế-giới* », « *Lịch-sử và học-thuyết Voltaire* », v. v...

Tôi nhận thấy còn nhiều bài khảo-cứu rất giá-trị mà chưa được đem in thành sách. Ngay như quyển « *Lich-sử thế-giới* » chỉ mới in lại có bài « *Cac thời-kỳ lớn trong lịch-sử văn minh thế-giới* ». Còn năm bài « *Thế-giới tiến-bộ-sử* » không được cho vào sách ấy.

Tôi tưởng những bài *Lịch-sử luân-lý-học nước Tàu* », « *Luân-lý học-thuyết Thái-Tây* », « *Văn-học-sử nước Tàu* », « *Lịch-sử nước Tàu* », v. v... rất có thể và rất nên đem in thành sách. Tác-giả và dịch-giả những bài ấy nghĩ sao ?

Nhân-Nghĩa

Phòng thăm bệnh của

BÁC - SĨ

Nguyễn-hữu-Phiêm

Chef de clinique des maladies cutanées et Syphilitiques à l'École de Médecine

Chữa các bệnh — Chuyên chữa các bệnh ngoài da, và bệnh đàn bà — Có phòng thí-nghiệm thử vi-trùng.

Buổi sáng : 11 giờ đến 12 giờ — Buổi chiều : từ 3 giờ đến 7 giờ

22, Rue des Pottiers (trước cửa đền hàng Trống)

TÉL. N° 15.32

Số 1

PHONG - DAO

Chia loại và giải nghĩa

PHONG-DAO : một lối văn vần tổ-truyền ! Nó là những tiếng « thiên-lãi » mộc-mạc, tự-nhiên trải bao nhiêu đời nay, vang ra từ những nơi non cao, rừng thẳm, mặt nước bát ngát, cánh đồng lúa mông-mênh, đã rung-động, đương rung-động và còn rung-động mãi tâm-hồn Đại Việt !

Nó là những tiếng vang dội của đáy lòng bình-dân.

Nó, bằng giọng nhẹ-nhàng nhưng hùng-tráng, bình-dị nhưng sâu-xa, trải đời nọ qua đời kia, đã làm giàu cho cái khó văn-học Nam-Việt.

Được hưởng cái di-sản vô-cùng quí báu ấy của ông cha để lại, bổn phận ta nay phải cùng nhau chính-đính những tiếng sai lầm và giải-thích những nghĩa khó hiểu, rồi thử chia loại mà gìn giữ lấy.

Giống Quốc-Phong Tàu là những câu ca, bài hát, ra từ miệng các trai gái ở sau lũy tre xanh, phong-dao ta cũng gồm có ba thể: Phú, Tỉ, Hứng.

1) Thể phú. — Nói ngay vào sự thực, không phải nhân hứng mà phát ra hay mượn cảnh vật bề ngoài mà ví với việc mình muốn nói. Như :

Không tiền, ngồi gốc cây đa ;
Có tiền, thì hãy lân-la vào hàng.

2) Thể tỉ. — Thể này là lối ví-von so-sánh : Đem những sự vật trông thấy ví với tình-cảnh, thân-thế hoặc việc làm của người. Như :

Muốn sang thì bắc cầu kiều :
Muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy.

3) Thể hứng. — Nhân cảm hứng vì một sự-vật gì, bèn mượn đó làm cái « khơi mào » để « đi » vào việc mình định nói. Đại-để :

Cái cò lặn lội bờ sông,
Gánh gạo đưa chồng, nước mắt nỉ-non...

Phong-nhân đang muốn nói về việc « gánh gạo đưa chồng », nhân thấy con cò lặn lội ở bên sông, bèn mượn cái « mắt thấy » ấy để gợi tứ. Vì thế nên gọi là thể hứng.

Nhưng cũng có khi, trong một bài phong-dao gồm cả hai hay ba thể, nghĩa là vừa phú, vừa tỷ, vừa hứng nữa.

Nay muốn lựa chọn các câu phong-dao mà sắp-đặt cho thành hệ-thống để nó cũng được đứng ngang hàng với kinh Thi của Tàu, tôi tưởng sự chia loại ấy cũng rất phức-tạp.

Tán đồng với ông Hội-Thống Vũ-văn-Lợi như đã viết trong một tờ báo kia, tôi nay cũng lấy nông-dân Nam-Việt làm « trung-tâm-điểm » cho sự lựa-chọn và chú-thích các câu phong-dao.

Còn cách chia loại ? Đã lấy nông dân làm gốc, lẽ tất nhiên mọi chi-tiết đều do cái « trung-tâm-điểm » ấy truyền tia ra cả.

Dựa vào những cớ khác cái biểu phân loại của ông Hội-Thống, nay tôi thử chia phong-dao như sau :

I. — Nông-dân với kinh-tế
- a) Làm ruộng làm vườn
- b) Trồng dâu, chăn tằm
- c) Thủ công
- d) Tiền bạc
- e) Thóc lúa
- f) Đổi trác
- g) Buôn bán ngược xuôi

II. — Nông-dân với nhân-sinh triết-học
- a) Bản-thân { *1· Siêng-năng, 2· Mộc mạc, 3· Hoạt-động, 4 Tiết-kiệm, 5· Giản-dị, 6· Lễ-độ, 7· Ăn-uống, 8· Thi-vị và tiềm-lực của đời sống...*
- b) Tình { *1· Tình yêu, 2· Tình hảo, 3· Tình oán, 4· Tình hận, 5· Tình phụ, 6· Tình dâm, Tình trinh....*
- c) Vợ chồng
- d) Cha con
- e) Anh em

CHEMISETTES - TRICOTS - SLIP - MAILLOT DE BAIN
ĐỦ CÁC KIỂU, CÁC MÀU
RẤT HỢP THỜI TRANG
Mua buôn, xin hỏi hãng dệt :
PHUC - LAI
87 - 89, ROUTE DE HUÉ - HANOI — Tél. N° : 974

Vịnh ông phỗng đá

Ông đứng làm chi thế hỡi ông?
Trơ trơ như đá, vững như đồng!
Dáng tìm cụ Lã trên sông Vị?
Hay đợi thày Nghiêm dưới bến Đồng?
Sành sỏi chen vai cùng thế-giới,
Giạn-giày tỏ mặt với non sông.
Cuộc đời đương lúc đua chen thế,
Ông cứ mằn-thinh, cũng lạ lùng!!!

NHẬT-NHAM

Vịnh Kiều

Trẻ Tạo ghen chi khách má hồng!
Mười lăm năm ấy số long đong!
Duyên xưa, nào tưởng em thay chị?
Phận gái, ngờ đâu vợ phụ chồng!
Tình, hiếu hai vai mang gánh nặng.
Sắc, tài một kiếp để gương chung.
Nghìn sau muốn xét lòng trinh-bạch:
Một giải sông Tiền ngọn nước trong.

TỪ-KHÊ

Hương chiều

Gió chiều thoảng quyện hương sen,
Say lòng lữ-khách như men rượu nồng.,
Nhị hoa như ướp lấy lòng,
Như đem trả lại mau hồng cho tim...

TRỊNH-QUANG-ĐẠT

Chuông chiều

Mờ mịt chiều đi trong gió lạnh,
Ngày tàn lặng đâu mái nhà tranh.
Khói lam phơ-phất trong sương đục,
Hàng liễu bơ-phờ rủ la xanh.

●

Chuông chiều vọng tiếng đâu đây
Âm thầm thúc giục báo ngày sắp xa..
Hơi sương vương khóm tre già;
Đàn chim nhớn-nhác bay qua bãi dừa...

MỘNG ĐÀI

f) Bạn hữu
g) Thầy trò
h) Sĩ, công thương
i) Vua quan
j) Làng, xóm
k) Quốc-gia

III. — Nông-dân với vũ-trụ-quan
a) Trời đất
b) Thần thánh
c) Gió, mưa, sấm, sét, mây, sông, núi, hồ, biển...

IV. — Nông-dân với tôn-giáo
a) Tín ngưỡng
b) Phật, Nho, Tiên...
c) Ma quỉ
d) Dị-đoan
e) Cái chết

V. — Nông-dân với nhân-sinh-quan
a) Sướng
b) Khổ
c) Vui
d) Buồn
e) B.-quan
f) Lạc-quan

VI. — Nông dân với văn-học
a) Ca-tụng { *1 Cái đẹp, cai hùng của thiên-nhiên; 2 Oai linh cua Thần, T ánh. 3 Công-nghiệp của các danh-nhân. Nhớ ơn những người đã giup ích mình..*
b) Trào-phúng { *1· Chế học trò, 2 (hế nhà sư, 3· Chế thay thuốc, 4· Chế thầy địa lý 5· Chế lính và nha lại, 6 Chế các « nàng » (hoặc lẳng lơ, hoặc chua ngoa, hoặc ế chồng, hoặc chồng chê, hoặc chồng bỏ, hoặc tham giàu sang, hoặc lấy khách, hoặc lấy lẻ), 7· Chế thói hư, tật xấu (nói dối, nói khoác, lười biếng, bỏn-xẻn, cờ bạc, rượu che, trai gái).*

VI. — Nông dân với chính-trị
a) Lo xưu thuế, tạp-dịch

Kiểm duyệt bỏ

d) Khuyến-khích việc võ
e) Tòng-quân

VII. — Nông-dân với xã hội
a) Cưới xin
b) Ma chay
c) Dỗ tết
d) Hội hè, đình đám
e) Thi cử

VIII. — Nông-dân với lịch sử
a) Thời loạn

Kiểm duyệt bo

c) Chống ngoại xâm
d) Thời bình
e) Mở mang bờ cõi

Sau khi đã kê xong cái biểu trên, tôi thử theo đó mà chia loại các câu phong-dao rồi, chú-thích những nghĩa khó hiểu, đính-chính những tiếng nếu biết là sai-lầm. Như thế có thể tiềm-tiệm xong được quyển «Phong-Dao» rồi đó.

Mong rằng các bạn làm ơn chỉ giùm những chỗ khuyết-điểm và giúp thêm cho tài-liệu về phong-dao bất cứ thuộc loại nào, khiến cho quyển «Phong-Dao» chúng tôi đương thảo đây sớm được nên trọn: may lắm!

HOA-BẰNG

NƯỚC NAM TA VỀ ĐỜI TIỀN-LÊ

(Theo tờ tấu của sứ Tàu)

Sử cũ chỉ chép việc chính-biến, cuộc chiến-tranh và các triều vua, ít khi chép những việc quan-hệ đến dân chung, như kế sinh-hoạt, cách làm nhà, lối ăn mặc cùng những phong-tục, tập-quán trong gia-đình và xã-hội.

Phải sưu-tập những tờ tấu của sứ thần, những bài ký của du-khách, thi họa may mới đủ tài liệu để mà chép lịch-sử văn-hóa đời xưa. Chỉ hiềm có một nỗi là hạng sử-liệu này chưa tìm được mấy, phần nhiều lại không lấy gì làm chắc chắn cho lắm: tờ tấu thì hay thiên, bài ký thì hay tô-điểm, phê-phán rất khó. Nhưng cũng nên dịch ra để biết đại-khái cái tình hình nước ta ngày xưa ra làm sao.

Như tờ tấu của Tống-Cảo dịch dưới đây, trừ những thiên kiến của sứ Tầu không kể, cũng có một vài đoạn, tưởng nên chú ý. Nguyên văn chép trong bộ *Văn - hiến thông - khảo*, quyển 330, trang 19b-20b. Ông d'Hervey de Saint-Denys đã dịch ra chữ Pháp, đề là *Ethnographie des peuples étrangers à la Chine, ouvrage composé au XIIIe siècle de notre ère par Ma Touan-Lin* (Phong-tục những dân khác dân Tầu, sách của Mã Đoan-Lâm làm về thế-kỷ thứ mười ba sau kỷ-nguyên), in ở thành Paris, nhà Leroux năm 1883. Nhưng ông d'Hervey de Saint-Denys dịch sai lầm (xem bản dịch tờ tấu của Tống-Cảo ở quyển *Mèrid onaux*, dân miền Nam, trang 316-320).

Trước khi đem dịch lại ra quốc-văn, xin nhắc rằng hồi Tống Cảo dâng sớ tâu vua nhà Tống, thì vua Lê Đạ-Hành (tức là Lê-Hoàn, 980-1005) đang trị vì ở nước ta, mấy năm trước đã lập nên sự nghiệp hiển hách, đánh đuổi được quân Tầu, giữ vững được xã tắc, theo tờ tấu của Tống Cảo lại có tài về thuật ngoại giao nữa.

Tờ tấu như sau này:

«Cuối mùa thu năm ngoái (vào khoảng năm 989), chúng tôi (là lũ Tống Cảo) đến cõi Giao-châu. Lê Hoàn sai lũ Đinh thừa Chính làm nha nội đô chỉ huy sứ chở chín chiếc thuyền và ba trăm quân đến đón ở cửa bể Thái bình. Tự ngoài bể vào trải bao nhiêu sự nguy hiểm sóng gió.

«Nửa tháng mới đến sông Bạch-đằng, theo đường tắt ở vùng bể vào, nhân nước triều lên mà đi.

«Phàm những chỗ nghỉ đêm đều là ba gian nhà tranh mới làm, gọi là «quán-dịch» (nhà trạm).

«Đến Trường châu, gần nước Nam, Lê Hoàn trang hoàng sẵng, đem hết cả thuyền chiến ra nói là «diệu quân» (Chắc độc giả cũng nghĩ thầm rằng: nếu không giỏi, thì sao nam tân-tị (981) lại đuổi được quân nhà Tống?)

«Từ đây, đêm theo ven bể đi đến Giao châu, độ mười lăm dặm, có năm gian đình cỏ tranh, đề là «Mao kinh dịch». Còn một trăm dặm nữa đến thành (Hoa lư), đuổi những súc sản của dân ở chỗ ấy ra, nói là trâu của quan: số không được một nghìn, dương danh nói mười vạn con! Lại đem bao nhiêu dân ra, lẫn với quân lính, mặc áo tạp sắc, cưỡi thuyền đánh trống reo hò!

«Đến núi ở gần thành, vờ treo cờ trắng để làm cánh tượng dàn quân.

«Chợt thấy Lê-Hoàn đến làm lễ giao nghênh, nép ngựa nghiêng mình, hỏi Hoàng thượng ngọc thể có được khang an không. Xong dắt cương ngựa cùng đi, lấy trầu cau mời ăn ở trên lưng ngựa: đó là phong tục đãi khách.

«Trong thành không có dân ở, chỉ có vài mươi trăm nóc nhà tranh, dùng làm trại lính, mà ở phủ thự có ao tràn nước, đề ở cửa là «Minh đức môn». (Những tên này cũng đủ chứng rằng cách đây độ một nghìn năm, Hán học ở nước ta đã tới một trình độ cao).

«Hoàn là người quê kệch (!), mắt lim dim, tự nói năm vừa rồi cùng giặc mán đánh nhau, ngã ngựa đau chân, nhận tờ chiếu không lễ được. (Sứ-thần không dám tâu rõ, nhưng thế nào cũng nói thầm rằng: láu lớ!

«Sau vài đêm, làm tiệc uống rượu vui-vẻ, lại ra ngoài vũng vui chơi tiếp khách. Hoàn đi đất, cầm cần câu lội xuống nước câu cá; mỗi khi câu được một con cá, bên tả bên hữu đều nhảy lên, reo hò vui vẻ.

«Phàm có người nào dự yến-hội, sai bỏ đai ra, đội mũ. Hoàn mặc nhiều áo sặc-sỡ và áo đỏ; mũ lấy ngọc chân-châu trang sức vào; tự ha uống rượu, chẳng ai hiểu là hát gì.

«Thường sai vài mươi người mang con rắn to, dài vài trượng để làm lương-thực cho sứ-quán, và hỏi nếu ăn được món ấy, sẽ bảo làm cơm thết. Lại buộc hai con hổ đưà cho để lúc nào muốn xem thì xem. Đều khước không nhận.

«Sĩ-tốt độ ba nghìn người, đều viết chữ vào trán là «Thiên-tử quân»; ngày lượng cấp thóc lúa cho, sai tự giã lấy mà ăn. Đồ binh khí chỉ có cung, nỏ, mộc-bài, giáo gỗ, giáo tre, yếu ớt không thể dùng được! (Thế sao sử lại chép chém giết được quá nửa quân nhà Tống?)

«Hoàn là người khinh-thoát tàn-nhẫn, thân cận với những kẻ tiểu nhân, lấy bọn hoạn-quan làm tâm-phúc, năm bảy lũ đứng sắp hàng cả ở bên cạnh; muốn cho họ tập uống rượu, lấy tay làm trò vui.

«Phàm bọn quan-thuộc, ai làm thạo công việc, cất về ở thân cận bên tả bên hữu làm việc. Nếu ai có lỗi nhỏ cũng giết, hoặc đánh vào lưng một trăm đến hai trăm roi. Các quan có điều gì không được như ý, cũng đánh tự ba mươi đến năm mươi roi, truất làm hồn lạt (canh cửa trong cung cấm). Khi nguôi giận, lại cho đâu vào đấy.»

Ứng-Hòe Nguyễn-văn-Tố

MỸ SẼ HỘ TỐNG THƯƠNG THUYỀN BẰNG CÁCH GÌ ?

NGÀY nay, một mình phải đối phó với hai nước Đức, Ý, Anh chỉ còn trông cậy vào Hoa-kỳ. Gần đây, nhiều chính-khách bên Luân-đôn đã khẩn khoản yêu-cầu nước bạn bên kia biển Đại-tây, ải gấp chiến-cụ sang để Anh cứ theo đuổi chiến-tranh cho đến lúc thắng lợi cuối cùng.

Mặc dầu nhiều người trong phe «phản đối chiến tranh» công-kích kịch-liệt, Tổng-thống Roosevelt đã kéo được phần đông dư luận theo mình và vấn-đề hộ-tống thương-thuyền có lẽ nay mai sẽ thành sự thực.

Vấn-đề đó rất cần, vì để tầu buôn đi không có tầu hộ-vệ trên bể khơi trong những lúc này tức là đem những vật-liệu khí-cụ làm mồi cho đại-bác của chiến hạm, ngư-lôi của tầu ngầm hoặc suồng máy và bom của các phi-cơ trận !

Hồi âu-chiến 1914-1918, những «tầu ô» hoạt-động trên các mặt bể phần nhiều là hạng vừa hoặc hạng nhẹ (trong 8 chiếc tuần-dương-hạm Đức, chỉ có hai chiếc mang đại-bác 210 li, còn 6 chiếc trong số đó có chiếc EMDEN chỉ mang có đại-bác 105 li). Các tầu ngầm chỉ hoạt động gần nơi căn-cư vì sức máy không được mạnh lắm. Còn các phi-cơ thì không phải là một thứ khí-giới đáng sợ vì số bom mang đi rất ít và sức bay xa không được là bao.

Bởi thế nên hồi đó vấn-đề hộ-tống thương thuyền rất dễ giải-quyết. Chống với tầu ngầm, đã có một vài khẩu đại bác 100 li, 120 li, 75 li, lắp trên boong các tầu vận tải. Còn chống với «tầu ô» thì chỉ cần cho tầu buôn họp thành một đoàn kèm theo có một chiếc tuần dương hạm mang đại-bác 152 li cũng đủ vững chãi rồi. Về phòng-không thì rất sơ sài. Hai ba khẩu đại bác 75 li và một vài chiếc súng liên-thanh chĩa lên giời như đợi những chiếc phi-cơ mảnh khảnh chậm chạp, không bao giờ bay tới.

Ngày nay khác hẳn. Vì kỹ-nghệ «phá hoại» đã đi được một bước giài. Vượt muôn trùng biển cả, các đoàn tầu buôn sẽ gặp nhiều sự nguy hiểm rải rác khắp dọc đường Trước hết là những «chiến-đấu-hạm bỏ túi» (cuirassé de poche), mạnh nhất trong hạng tầu-ô.

Từ khi mất chiếc GRAF VONSPEE ở LAPLATA, Đức còn có hai chiếc chiến-đấu-hạm bỏ túi (chiếc DEUTSCHLAND và chiếc ADMIRAL SCHEER mang 6 đại bác 280 li và bắn đạn 303 cân đi xa hơn 30 cây số). Hai chiếc đó vì mang được nhiều dầu mỡ, nên có thể hoạt động rất xa nơi căn-cứ.

Đến gần bờ bể Anh, các đoàn tầu buôn lại có thể bị các chiến-hạm to đón đánh và gặp một chiếc hạng SCHARNHORST (9 đại-bác 280 li), hoặc hạng TIRPIZ (8 đại bác 380 li) tức là một phần lớn thương thuyền bị đánh chìm dưới trận mưa đạn.

Hạm-đội tuần-dương của Đức ngày nay gồm có một chục chiếc phần nhiều hạng nhẹ mang đại-bác 150 li, nhưng cũng là một lực-lượng đáng sợ nếu mười chiếc đó hoạt-động mỗi chiếc một nơi, nay ẩn, mai hiện.

Nạn gặp «tầu ô» sẽ có thể xảy ở một khoảng rất rộng, từ ven bờ bể châu Mỹ sang gần bến LORIENT bên Pháp. Vì Đức chiếm được miền Bắc nước Pháp, nên các đoàn tầu buôn đi sang Anh sẽ bị các tầu chiến hoặc phi-cơ «kiểm-soát» trong phạm-vi 2, 3 nghìn cây số từ bến LORIENT trở ra.

Ngoài nạn gặp chiến-hạm, các thương-thuyền còn lo bị các tầu ngầm đón đánh hoặc ở giữa Đại-tây-Dương, hoặc ở gần xứ Ecosse, Irlande sau khi vượt qua cái «lưới» của tầu ô và phi-cơ Đức.

Vì tình-thế hiện thời, nên các đoàn tầu buôn không thể theo hai con đường cũ dùng trong năm 1939 vừa qua : Một là con đường vào bể Manche về mé trên nước Pháp cập bến Londres ; hai là con đường dưới xứ Irlande vào bể Irlande cập bến LIVERPOOL. Vì hai con đường cũ đó phải qua những vùng đặt thủy-lôi và gần nơi căn-cứ hải và không-quân bên địch. Các thương-thuyền sẽ phải đi lên mãi tận trên phía bắc xứ Irlande, rồi mới đi vòng xuống được. Như thế không những phải đi xa, mà còn phải qua một vùng có nhiều tầu ngầm và suồng phóng ngư-lôi của Đức hoạt-động nữa.

Sở-dĩ hải-quân Đức được tự do hoành hành như thế, là vì từ năm 1938, nước Anh đã bỏ những nơi căn-cứ hải-quân tại Lough Swilly, Berehaven và Cobh ở Irlande sau khi ký hiệc-ước với xứ đó.

Hạm-đội tuần-tiễu Anh, vì thế, phải cách xa những 300 cây số mới đến được con đường mà thương-thuyền định qua Những tầu ngầm mà Đức đem mai-phục ở mé bắc xứ Irlande đều có thể lênh-đênh rất lâu ngày trên mặt bể và tang thêm vào lực-lượng chiến-đấu, Đức lại đem tụ-tập thêm một hạm-đội «suồng máy phóng ngư-lôi» (vedettes lance-torpilles) mà các nhà hàng-hải đã đặt cho cái tên rất đúng là «muỗi bể» (moustiques de mer). Dài độ hai chục thước, trọng tải không đầy 100 tấn, những chiếc suồng đó có súng liên-thanh cao xạ

và mang hai quả ngư-lôi. Với một tốc độ hơn 90 cây số một giờ, những chiếc suồng phóng ngư-lôi rất nguy-hiểm trong những trận đánh úp, nhất là trong đêm tối.

Thoát khỏi đại-bác và ngư-lôi, các thương-thuyền còn phải lo chống cự lại các phi-cơ bay từng lớp từ bốn phương giới đổ đến, mang theo những trái bom phá hoại nặng hàng mấy nghìn cân. Đó là những phi-cơ DORNIER, HEINKEL bay được 4, 5 trăm cây số một giờ và những chiếc STUKAS bổ nhào nhanh như chớp nhoáng.

●

Đứng trước những nguy-cơ đó, các nhà đương cục Mỹ lẽ nào lại chịu bó tay ? Vì chẳng gì hải-quân Hoa-Kỳ cũng đứng vào bậc nhì trên thế giới. Ngăn-ngừa hoành-hành tầu-ô, Mỹ chỉ có thể cho nhiều đoàn tuần-dương hạm hạng nhất kiểu AUGUSTA (9 đại-bác 203 li) đi kèm các thương-thuyền vì không khi nào Mỹ chịu hi-sinh các chiến-đấu-hạm tối-tân như chiếc NORTH CAROLINA (35.000 tấn, 9 đại-bác 406 li) vừa kềnh-càng lại vừa đắt tiền nữa.

Hạm-đội tuần-tiễu của Mỹ sẽ có Anh giúp vào để tăng thêm lực-lượng và, gần đây, ta đã thấy chiếc RODNEY (33.900 tấn, 9 đại-bác 406 li) của Anh đi hộ-tống một đoàn tàu buôn từ Mỹ sang.

Những đại-bác 203 li của tuần-dương-hạm Hoa-kỳ tuy kém đại-bác của các «chiến-hạm bỏ túi», nhưng cũng có thể làm khó dễ cho các «tầu ô» Đức, nhất là khi giao-chiến, các tuần-dương-hạm Mỹ có thể phóng 4 chiếc phi-cơ lên trợ chiến.

Từ Mỹ sang đến gần bờ bể Pháp, những đoàn tầu buôn sẽ do các chiến-đấu-hạm Anh và tuần-dương-hạm Mỹ đi kèm. Xung quanh hạm-đoàn sẽ có nhiều tầu «tuần-dương-ham diệt phi-cơ» (croiseur contre aéronefs) mang nhiều đại-bác 102 li, 37 li, và súng liên-thanh tám nòng (ensembles octuples) đi hộ-vệ để phòng nạn tầu ô và phi-cơ đón đánh. Trên boong các thương-thuyền sẽ có súng cối xay để «đón» các phi-cơ đánh bổ nhào vì đối với những hạng phi-cơ này, những súng từ 75 li trở lên đều không công-hiệu nữa.

Vượt qua bước khó-khăn đầu tiên, tới quãng đường phía bắc Irlande, các thương-thuyền lại lo cái họa tầu ngầm và «suồng phóng ngư-lôi». Lúc đó ta mới thấy cái lợi của những khu-trục-hạm (destroyers). Những khu-trục-hạm mà người Pháp chia làm hai hạng : ngư-lôi-hạm (torpilleur) và diệt-ngư-lôi-hạm (contre torpilleur) đều là những chiến-hạm nhẹ mang đại-bác nòng dưới 138 li và có nhiều ống phóng ngư-lôi. Những chiến hạm đó chạy rất nhanh và rất dễ điều-khiển.

Khu-trục-hạm có hai thứ khí-giới đánh tầu ngầm : đại-bác đánh tầu ngầm nổi, và lựu-đạn (grenades) đánh tầu ngầm lặn dưới nước. Đối với phi-cơ, khu-trục-hạm cũng đủ cao-xạ để chống-đỡ, lại còn thêm một thứ khí-giới rất công-hiệu tức là cái máy phun khói đen để che cho phi-cơ không nhìn rõ đích.

Kèm bên khu-trục-hạm, nếu có độ chục chiếc tầu săn tầu ngầm (chasseurs de sous-marin), thì cuộc canh phòng có thể tạm gọi là chu đáo được.

Hộ vệ thương-thuyền còn một thứ khí-giới rất lợi-hại mà ta chưa nhắc tới, tức là thủy-phi-cơ tuần-tiễu (hydravions de croisière) bay lượn trên đoàn tầu xem các vết khả-nghi trên mặt bể, bắn súng liên-thanh xuống các tầu địch hoặc liệng bom đánh một chiếc tầu ngầm ống viễn-kính đang lập lờ trên mặt nước.

Hoa kỳ cũng nhận thấy sự lợi hại của phi cơ trong công việc hộ tống, nên ngày mồng 3 tháng 6 vừa qua, tại Thượng nghị viện, ông John DEMPSAY trong ủy ban hàng hải đã cho biết rằng một số nhiều tầu buôn Mỹ đang cho sửa đổi để chở được máy bay trận.

Một đằng cố đưa sang cho kỳ được, một đằng cố đánh phá cho kỳ hết, hai ý định trái ngược ấy sẽ gây nên những cuộc xung đột dữ dội trên bể khơi. Tấn thảm kịch « HOOD-BISMARCK» biết đâu không diễn đến mấy lần và ĐẠI-TÂY-DƯƠNG, ngày xưa, ngày nay và sau này, bao giờ cũng chỉ là nấm mồ của những chiến sĩ anh-hùng mỗi đằng hi sinh cho một lý tưởng.

NGUYỄN HUYỀN TÌNH

---

(1) Chiếc ống « viễn kính » là chiếc périscope của tầu ngầm. Khi tầu ngầm muốn đánh một đoàn tầu buôn thì ống périscope nhô lên mặt nước độ 10 centimetres. Chiếc périscope đó rẽ sóng thành một đường trắng sóa (sillage) khiến tầu bay tuần-phòng có thể nhận ra mà bổ nhào liệng bom xuống tầu chỉ-huy (kiosque) của tầu ngầm. Nếu khu-trục-hạm hộ-tống trông thấy sillage khả nghi, thì có thể chạy hết tốc-lực mà xô vào làm vỡ cái ống viễn kính khiến cho tầu ngầm thành mù và vô dụng.

LẼ TẤT NHIÊN LÀ RẺ

Đương khi hàng khan
và cao giá

nhà CH'ROANH TAILOR

39, phố hàng Trống Hanoi

Hàng đẹp
May khéo
Giá-hạ

rất may vừa nhận được
chuyến hàng mới về.—
các ngài nên lại ngay đấy
thế nào cũng được vừa ý

CHIẾN-TRANH HIỆN-THỜI PHẢI CHĂNG...

KHOA-HỌC càng ngày càng tiến-bộ ! Khoa-học càng tiến-bộ lại càng phát-minh ra nhiều khí-giới tinh-nhuệ, nhiều chiến-cụ tối-tân. Nhưng sự phát minh ấy, nếu không có dầu mỏ, thì sáng-kiến dù hay đến đâu, cũng không thể thực-hành được.

Vì vậy, dầu mỏ có quan-hệ mật-thiết đến cuộc chiến-tranh hiện-thời. Thành, bại, sống, còn của hai bên địch-thủ đều do sản-lực nguyên liệu ấy, địa thế các mỏ dầu và sự thuận-tiện các đường vận-tải.

Nước Đức vì trong nước không sẵn mỏ dầu, nên trước khi khởi cuộc binh-đao, đã nghĩ ngay đến vấn-đề dầu-mỏ, bèn đem hết tài ngoại-giao ký hợp-ước thân-thiện với Nga-sô-viết là một nước có nhiều mỏ dầu đủ cung cho mình.

Chiếm xong nước Ba-lan, Quốc-trưởng Đức quay xuống miền Ba-Nhĩ-Cán, về phía đông-nam Âu-châu — một nơi có rất nhiều mỏ dầu — uy-hiếp các nước phải vào hiệp-ước tam-cương, cùng chống Anh-Đế Quốc. Trước còn lấy ngoại-giao, sau dùng binh-lực để dần dần thu-dụng.

Dầu mỏ càng được nhiều, chiến-cụ càng sản-xuất được lắm, ngọn lửa chiến-tranh càng lan rộng, hiện nay đương bùng trên đất Bắc-Phi và sắp cháy ở miền Cận-Đông là những nơi có lắm mỏ dầu.

Nước Anh nhờ có nhiều thuộc-địa sẵn mỏ dầu, lại nhờ có Hoa-Kỳ đồng-minh giúp nhiều dầu mỏ và chiến cụ, nên có đủ lực-lượng để kéo giài cuộc kháng-chiến.

Nước Nhật dự một phần trong hợp-ước tam-cường, có trách-nhiệm phấn đấu với Anh và Hoa-Kỳ ở Viễn-Đông, nên gần đây đã đem hết tài ngoại-giao để điều-đình mua dầu của Nam-Dương quần-đảo.

Hiện nay, chiến-tranh đương kịch liệt ! Núi thây, sông máu, nhân-loại tương-tàn ! Các chiến-sĩ nào có biết chính mình đã hy-sinh để làm giầu cho các công ty dầu mỏ !

Ông Clémenceau nước Pháp đã nói : *Một giọt dầu là một giọt máu.*

Lại theo nhời ông Francis Delaisi, *thì chính các ông chủ mỏ dầu có một sức rất mạnh có thể tạo thời-thế, tạo anh-hùng, làm mưa, làm gió !*

Thực thế, có tiền mà tậu lâu-đài không ở, để cỏ mọc, rêu xanh ; có tiền mà mua những cái mình không dùng, như tranh không thích ngắm, sách không ưa xem, thì chi bằng đem tiền ấy giúp cho nước nọ đánh nước kia, để bán dầu, để tiêu-thụ khí-giới ! Còn gì thích trí bằng được chứng kiến cuộc đấu - thủ hai bên ? Mỗi khi nghe tiếng thần-công nổ, tiếng bom rơi, tự thấy mình có một sức vô-cùng mạnh ! Còn được, thua ? mặc bay ! Sống, chết ? cũng mặc bay ! Tiền thày cứ bỏ túi !

Có một thời-kỳ, các nhà sản-xuất dầu nghĩ ra cách chế thêm được 30 phần trăm số dầu nguyên-chất. Nhờ thế, nghề khai mỏ dầu phát-đạt, nên nhiều công ty thành-lập để khai các mỏ dầu Sau có một nhà hóa-học Đức lại biết phân chất than củi, chế thành dầu xăng.

Vì số dầu sản-xuất nhiều quá, nên nhiều công-ty phải đóng một ít giếng dầu lại và hạn-chế việc khai mỏ dầu Người Nga không chịu theo chế-độ ấy, nên giữa các công-ty khai mỏ dầu có một cuộc kịch-chiến, không phải để chiếm các mỏ dầu mà để hạn-chế việc sản xuất dầu.

Khi một giếng dầu phát hỏa ở Lỗ-Mã-Ni, một số người hộ-cứu đều bị các tay thám-tử giết chết.

Giữa lúc ấy, nhiều người Pháp dự khởi một cái cống giài 600 cây số qua sa-mạc, để dầu chảy từ Mossoul (Kinh đô Irak) ra Địa-Trung-Hải.

Vì tranh nhau các giếng dầu, người Kurdes bên đạo Hồi giết người Assyriens bên đạo Gia-tô ngay cạnh mỏ dầu Kirkonk (thuộc xứ Irak). Người Ả-rập đánh nhau với người Do-thái xứ Ba-tư cạnh thành Caffa là hải-cảng Nga, nơi xuất-cảng dầu mỏ.

Năm 1919 nhà văn-hào Henry Bérenger đã tuyên-bố : *Ai có mỏ dầu nấy làm bá-chủ thế-giới.*

Bá-chủ trên không bằng dầu xăng nhẹ.

Bá-chủ lục-địa bằng dầu xăng và dầu hỏa.

Bá-chủ dưới thủy bằng dầu chất nặng.

Bá-chủ thế-giới bằng thế-lực dầu mỏ, mạnh hơn thế-lực vàng bạc và kim-khí.

Thế lực dầu mỏ có thể đưa loài người đến cuộc tàn-sát nhau và nâng người lên một cái địa-vị cao-trọng.

D'Arcy, người châu Úc, tìm được mỏ dầu Ba-tư, được vua nước này cấp giấy cho phép khai, chẳng may bị Sidney Reilly thám biết, bèn mặc trá hình thày tu cướp mất !

Gertrude Lowthian Bell, con gái một nhà quý-phái Anh, am-hiểu các thứ tiếng Ả-rập, được cử sang xứ Mésopotamie để chiếm các mỏ dầu.

Henry Deterding, từ chân một anh làm công ở thuộc-địa Hòa-lan, nhảy ngay lên địa-vị « Hoàng-đế dầu » và cố-vấn vua Anh.

Calust Sarkis Gulbenkiank bạn đồng-chí của Henry Deterding, vì đồng-bào bị trục-xuất khỏi Thổ-Nhĩ-Kỳ và vì người yêu bị phỗng tay trên, nên đương là bạn thâm-giao bỗng trở nên người thù không đội trời chung với Deterding.

Marcus Samuel hãng dầu Shell, vốn người Do-thái, nhờ thế-lực dầu mỏ, chiếm được chân Đốc-lý thành Luân-Đôn, kinh-đô nước Anh.

Rockefeller và các bạn đồng-chí đã nắm cả chính-quyền xứ Hoa-Kỳ.

Sinclair, ba lần triệu-phú, ba lần thất-bại vì buôn lúa mì, sau nhờ việc buôn dầu lại khôi-phục được cơ-nghiệp cũ, rồi nuôi hi-vọng về làm vua xứ Albanie (Ý-Đại-Lợi) sau mấy phen bị giam cầm tại Mỹ.

Ấy là kể qua lịch-sử mấy ông lái dầu đã từng làm chủ-động các cuộc lưu-huyết trên trái đất, đã từng tạo nên bao tấn bi-kịch hòa máu lẫn dầu.

Chỉ mươi ông vua dầu có thể làm cho bể trần sóng gió ! Chỉ một số ít mươi người có thể đưa hàng triệu, hàng ức người tới cõi chết ! Còn gì khốc-hại cho bằng ?

Từ tây sang đông, xưa cũng như nay hay tương-lai, sức mạnh của dầu mỏ vẫn được người đời công nhận.

Kiểm duyệt bỏ

...LÀ MỘT CUỘC CHIẾN-TRANH DẦU MỎ ?

Kiểm duyệt bỏ

Dầu còn được nhân-loại ưa chuộng ngày nào, thì vũ-trụ còn bị mây đen che phủ, thế-giới còn đầy núi xương, sông máu, trong khi các ông vua dầu thảnh-thơi trên lầu cao, gác tía, với một nụ cười...

Nhật-Nham

Sách mới

Bản chí vừa tiếp được quyển :

1·) *Manuel de Conversation en français et Annamite* (1) do ông Mễ-Dương, cựu giáo sư tại Hanoi soạn. Sách này cốt dùng cho người Nam học nói tiếng Pháp hay những người ngoại quốc biết tiếng Pháp học nói chuyện tiếng Nam, gồm có 23 mục rất phân minh. Giá bán 0p.20 một quyển.

2·) *Đại-Việt Văn-học Lịch-sử* (2) của ông Nguyễn-sĩ-Đạo, sách dày 126 trang, cỡ nhỏ, giá 0p.45.

3·) *Tuổi xanh* (sách dạy nuôi con) do bác sĩ Lehmy soạn, nhà in Lê-Cường xuất bản. Sách dày 202 trang, giá bán 1p.00

4) *L'Anglais au Baccalauréat et l'Anglais de Hongkong* (Modèles de versions, thèmes, compositions) của ông P. Lê-công-Đắc soạn, gồm có hai quyển (thượng và hạ), giá 0p.65.

●

Xin cám ơn các nhà đã gửi tặng và vui lòng giới thiệu cùng độc-giả Tri-Tân.

(1) Bán buôn tại hiệu sách Đông-Tây 195, Hàng Bông Hanoi.

(2) Tri-Tân sẽ có bài phê-bình về quyển sách này.

Thống-chế PÉTAIN đã nói :

« Chúng ta có nhiệm-vụ phục-« hưng nước Pháp.
« Chúng ta hãy cho thế-giới đang « nhìn ta được thấy một nước « Pháp bình-tĩnh, cần cù và « nghiêm trang ».

Cải chính

Dưới câu cách ngôn ngoài bìa số này : « Hạnh-an » sửa là « Hạnh-am ».

Trong bài « Thơ Đỗ-Phủ » (số 2, trang 9) : « *Tương-đương* » xin sửa là « *Tương-dương* ».

Bài « Khoa thi võ » (số 2, trang 7) : « *tạo-sẽ* » xin đọc là « *tạo-sĩ* ».

Bài « Nobel » trong số 1 có 3 chỗ xếp lầm : Ở dòng 1909, chữ *Legerlœf* xin chữa là *Lagerlœf*, ở dòng 1910 chữ *Poul* xin chữa là *Paul*, ở dòng 1913, chữ *Rabindrapath* xin chữa là *Rabindranath*.

Bản báo

Cần nhiều Cổ-động-viên để đi thu tiền và cổ-động báo. Bạn nào muốn giúp việc, xin đến nói chuyện hay gửi thư về hỏi thể-lệ ở tòa trị-sự : 195 phố Hàng Bông, Hanoi

TIN VẮN HÀNG TUẦN

Đông-Dương

Chính-Phủ đương nghiên-cứu tìm chất dầu thay cho dầu mỏ mazout Hiện nay phải hạn-chế dầu mazout, vì không có tầu chở chất này sang Đông dương. Dầu hỏa vẫn khan và khó mua. Dân quê phần đông phải thắp đèn bằng dầu ta hoặc dầu lạc.

Hồi 11 giờ 6 Juin 1941, Quân Pháp Hội-Nghị đã kết án : Ba người bị án tử-hình, 5 người khổ sai chung thân, 24 người từ 5 năm khổ sai, 5 năm biệt xứ đến 20 năm khổ sai, 20 năm biệt xứ.

Ba người bị án xử tư ấy sẽ phải đem bắn tại Lạng-sơn là : Phạm ngọc Khánh, Bùi văn Hữu, Phạm văn Bảo.

Gạo vẫn kem. Giá gạo hiện nay phải từ 14p đến 19p một tạ. Còn hạng gạo tám, mỗi tạ phải tới 22p.

Trần-văn-Nhật vừa bị xử bắn tại Lạng-sơn (6 Juin 1941) vì can tội : hồi Lang-sơn có biến động, đã bị mật thông tin quân sự cho ngoại quốc.

Quốc tế

Tưởng-giới Thạch khuyên quốc dân nên tìm phương-pháp làm cho tiêu-diệt hết nha-phiến ở đất Tầu.

Quốc-trưởng Đức và Thủ-tướng Ý đã hội-kiến ở Brenner để bàn về việc tấn-công ở Địa-trung-Hải và lập nền trật-tự mới ở lục-địa.

Thành phố Dublin xứ Irlande bị phá : 27 người chết, 45 người bị thương nặng, 25 nhà phá và 300 nhà hư hỏng.

Phái-bộ thủy-quân Nhật hiện lưu-trú tại La-Mã.

Đức nói số quân thiệt hại ở Balkans và Crète : tất cả mất không đến 6 nghìn người.

Theo Thủ tướng Anh, ông Churchill, thì quân Đức thiệt hại tới 17 000 người mới lấy được Crète, còn Anh mất 15,000 người.

Nhật và Nam-Dương chưa chắc điều-đình xong bản hợp-ước kinh-tế.

Phi cơ Nhật ném bom xuống Trùng Khánh : 700 người Tầu bị chết ngạt.

Anh đã tấn-công vào xứ Syrie, thuộc-địa Pháp, lấy cớ có quân Đức đóng ở xứ ấy. Quân Pháp vẫn chống cự rất hăng, cả lục và không quân đều hoạt động nhưng đã phải lùi về chiến tuyến mới.

Cùng các nhà đại-lý

Tiếp được kỳ số 3 này, các ngài làm ngay relevé 2 kỳ báo, và gửi cả mandat về cho để chúng tôi tiện biết số báo các ngài đã bán được là bao nhiêu mà liệu gửi các kỳ sau. Đa tạ các ngài trước

Trí-Tân

Người lịch sự và yêu nước đều thích uống và cổ động

CHÈ ĐỒNG-LƯƠNG

Một thứ chè nội hóa có danh tiếng, ngon hơn chè Tàu và được bầu là

VUA CHÈ NỘI HÓA

Có chi-cục và đại-lý tại toàn cõi Đông-Pháp

Cùng các nhà văn, nhà báo

IM-LẶNG PHẢI CHĂNG LÀ VÀNG ?

Phạm-mạnh-Phan

LÀM nhà văn, nhà báo, ai cũng có một trách-nhậm về tinh-thần. mỗi khi viết một bài văn hoặc một cuốn sách, dầu ký tên hay đề biệt-hiệu, chúng ta phải hoàn toàn chịu-đựng những lời chỉ-trích chính-đáng, phải hết sức bênh-vực những điều ta nói nếu thấy không ngoài sự-thực và hợp lẽ phải.

Vì danh-dự ngòi bút, chúng ta phải lan mình vào cuộc bút chiến, không sợ những mũi tên cứ nhằm ta làm đích, cũng như những lính cảm-tử xả thân nơi chiến địa, để bênh-vực cho những lý-tưởng cao xa!

Những câu văn ta đã viết, những ý ta đã trình bày, những tài liệu ta đã tốn công sưu tầm : đó là những chất óc ta đã kết tinh lại ; đó là ca một linh hồn ta. Ai phạm tới ? Ta phải dõng-dạc trả lời : « Tôi đây ! »

Tôi cũng công nhận trong số những nhà cầm bút ở nước ta có nhiều người đã từng thành-thực, sốt-sắng bênh vực ngòi bút mình bằng những lý-cớ vững-chắc.

Đây, một vài cuộc bút chiến về văn-chương tư-tưởng có thể ghi vào lịch-sử báo giới, văn giới nước nhà:

Cuộc bút chiến về vấn-đề Nho giáo giữa ông Lệ-thần Trần trọng Kim và ông Phan - Khôi trong *Phụ nữ tân-văn* (Saigon 1930) ;

Cuộc bút chiến về lối văn Hoàng tích Chu giữa ông chủ-nhậm báo Đông Tây với ông Thục Điền trong Đông Phương ;

Kiểm duyệt bỏ

Cuộc bút chiến về vấn đề quốc học của ông Lê-Dư với phái địch.

Mặc dầu trong khi tranh luận họ đã có khi có những ý thiên vị, nhưng cũng vì sự họ chịu tranh luận đó mà độc-giả tìm được nhiều hứng-thú và thấy rõ đâu là lẽ phải. Chính những cuộc bút chiến đó đã có ích cho tư tưởng giới nước nhà vì nó đã phá tan những sự dụt dè e lệ của một số nhà văn không chịu phơi mình ra ánh sáng và không đủ can đảm chịu trách-nhậm trước dư luận của quốc dân.

◆

« Đầu têu » im lặng trước dư luận là ai ? Thoạt tiên là những «nhà nho gọc» (chữ của ông Phan Khôi) sau thời-kỳ có cuộc Bảo-hộ ở đây, sau khi trường thi Nam bãi bỏ và giữa lúc tư-tưởng-giới Việt-nam bắt đầu phối-hợp với «cô» Logique của người Âu.

Những nhà nho đó mặc bỏ những Thánh, Hiền mà xưa họ đã nặng lời ca-tụng Vâng, họ mặc bỏ, tôi không nói ngoa. Chẳng mặc bỏ, sao trước 21 bài của ông Phan-Khôi bài xích Nho-giáo đăng trong báo Thần-Chung ở Saigon (1929), không ai lên tiếng phản-đối ?

Trong bài cuối ông Phan-Khôi đã thú thật và ấy-náy :

— « *Không dám dối độc-giả, tôi viết đến đây bỗng dưng hai hàng nước mắt tôi trào ra trên giấy. Không phải tôi khóc vì Khổng-giáo điêu-tàn, nhưng tôi khóc một là vì cái kẻ chỉ-trích Khổng-giáo lại là tôi, hai là vì ngó thấy cái tình đời bạc-bẽo* ».

Chẳng những chỉ - trích Khổng-giáo, mà trên hai tờ *Phụ nữ, Trung-Lập*, ông Phan-Khôi còn phản - đối cả thuyết tam-cang, đả phá cả chế-độ đại gia đình nữa. Trong *Đông Tây Tuần Báo* ông lại bài-xích cái học của Tống nho.

Đó là những điều đáng lẽ những ai đã tự-mệnh là tín-đồ trung-tín của đạo Nho phải lên tiếng vệ đạo và cãi lẽ với ông Phan-Khôi mới phải. Nhưng không, không một nhà nho nào lên tiếng, mặc cho ông Phan muốn nói gì thì nói. Nói chán, ông phải thất vọng, than phiền mà gác bút. Thật là một trạng-thái tinh-thần kỳ-quặc !

Kiểm duyệt bỏ

Tôi nhắc những việc cũ ấy ở đây là cốt tìm những cái có ảnh-hưởng tai-hại tới học-thuật tư-tưởng nước nhà để mong cùng nhau tìm cách tránh đi, chứ tuyệt không có ý gì khác.

◆

Ngoài lớp người cũ, một số nhà văn, nhà báo hiện-thời cũng lây phải cái bệnh chuyên-chế dư-luận và khinh-mạn độc-giả. Họ viết báo ra sách. Ai công kích ? mặc ! Tưởng như sự công-kích đó không can-

Xem tiếp trang 16

thiệp gì tới họ. Im lặng đó phải chăng là vàng, hay chỉ thiệt cho độc-giả, những người muốn tìm chân lý để rõ thực hư ?

Thật khó hiểu: mỗi khi ta thấy một nhà văn bị công-kích cách chính-đáng mà không thấy họ trả lời ! Không phải nói đâu xa, tôi lấy vài thí-dụ gần đây để chứng cho lời đó.

Trong tuần báo *Chủ-Nhật* số 4 (11-1940), ông Khái-Hưng có bàn về vấn đề cải-cách chữ quốc-ngữ, có nhắc đến lịch-sử của nó trong hai đoạn. Ông cho rằng chữ quốc-ngữ do các giáo-sĩ Bồ-đào-nha đã sáng - tạo ra vì họ sang truyền đạo ở nước ta trước nhất. Nhưng không đồng ý-kiến đó, ông Nhân - Nghĩa, trong *Trung-Bắc chủ-nhật* số 41 (1940), dùng hết tài liệu đã kê-cứu chắc-chắn, lên tiếng phản-đối. Độc-giả, cũng như tôi, đợi mãi bài trả lời của ông Khái-Hưng, nhưng ngày lại ngày, chờ mà chẳng thấy ! (1)

Tài trào - phúng của thơ Tú Xương ? Nhiều người đã phải thán-phục. Vừa rồi, trong *Nghệ thuật Việt Nam* số 1 (1941), ông Lê Đại (phải chăng là một tên giả của ông Lê-tràng-Kiều ?, đã muốn xóa bỏ cái tên Tú-Xương ra ngoài cuốn Việt Nam văn học sử có kêu : *Những thơ văn của Tú Xương chỉ là một mớ nhảm-nhí và sự-nghiệp của ông chỉ đáng một con «zéro»*. Sau khi đọc bài đó, tôi đinh-ninh thế nào các thi-gia cùng các văn nhân cũng ùa nhau vì sự-nghiệp và danh-dự người xưa mà lên tiếng. Tôi tin tưởng rằng ông Trần-thanh-Mại, tác-giả cuốn *Trông giòng sông Vị*, các nhà giáo ở thành Nam đã tổ-chức cuộc nói chuyện kỷ-niệm ông Tú và một nhà báo đã từng nặng lời ca-tụng thi sĩ đó trên *Đông Tây tuần báo* nam nọ thế nào cũng lên tiếng cãi lại. Nhưng tịnh không thấy một ai, ngoài ông Thông Reo chế-riễu việc đó trên tờ *Dân báo* ở Sai-gon và ông Triết-Can cười-cợt mỉa-mai trên tờ *Hà-nội tân văn*. Có lẽ lấy cớ rằng bài báo đó có tính cách quảng cáo, nên làng thơ Việt-Nam dè dặt chăng ? Song tôi tưởng sự im lìm đó không chính đáng, vì dầu sao, ta cũng phải bác bỏ những điều tầm-bậy ba tơi người xưa.

Nhóm Tự lực văn đoàn cũng không tránh khỏi cái lỗi đã thờ - ơ với dư-luận mỗi khi bị công-kích. Tôi cũng công-nhận thỉnh-thoảng, phải thỉnh-thoảng thôi, nhóm đó cũng có trả lời những người công kích mình. Nhưng đối với những người như các ông Trương Tửu, Lê văn Trương đã nhiều lần công khai chỉ trích một cách kịch-liệt và ác-nghiệt những tác phẩm chính của Tự Lực Văn Đoàn trên các báo *Ích hữu* (1937), *Quốc Gia* (1938), thì nhóm đó lại làm lơ !

Tôi rất tiếc sao trước tòa án dư-luận của đồng bào, Nhóm Tự-Lực không lên tiếng bênh vực để phân bắc bạch? Nhóm Tự Lực im đi phải chăng là một mánh khóe của nhà nghề hay là dấu hiệu của sự khinh nhờn những địch thủ ? Vì lẽ trên, sự im lặng đó là một cuộc đắc thắng riêng nhưng là một sự thiệt-thòi lớn cho độc giả ở ba kỳ: đã lỡ mất một *cơ hội để nhận xét rõ thêm những* khuynh-hướng về văn-chương và xã hội của những văn nhân trên đường Quán Thánh. Nếu vì lẽ dưới thì sự im lặng đó không chính đáng vì đã cùng nhau làm tôi bà Chúa Báo và đã cùng đi trên con đường nghệ thuật, ai lại hớ gì mà khinh người đồng nghiệp ?

Chẳng những một nhà văn, hay một nhóm bị công kích cũng im lìm đi, mà cả đến từng lớp nhà văn một bị kết án cũng làm thinh nốt :

Độc giả ai đã đọc cuốn *Mùa gặt mới* số 1, cũng biết ông Trương-Tửu đã mạt sát cái « thế hệ nhà văn 1930 » mà ông gọi gồm là một thế hệ truy lạc ! Ông đã cả tiếng nói rằng những nhà văn đó đã tìm cảm giác lạ ở các trang-thái truy-lạc, ông nhiếc « *họ đã lăn lóc miệt-mài ở các nhà hành lạc, đã say - mê điên-đảo trong tình yêu lãng-mạn, đã giết thời gờ và sức khỏe vào chiếc đèn dầu lạc* »

Kiểm duyệt bỏ

Thật là những lời buộc tội ác-nghiệt đối với loại nhà văn 1930 !

Thế mà không một ai trong nhà văn loại đó, vì danh dự mình, vì danh dự của những người đồng thời, lên tiếng trả lời họ Trương.

Tôi lấy làm lạ hết sức về cái thái-độ thản nhiên làm lơ đó (2). Phải chăng nó là ảnh hưởng của những nhà văn mà tôi đã nêu trên đầu bài ? Phải chăng nó biểu hiệu sự nhu nhược của phần đông nhà văn chúng ta ?

◆

Bị công-kích một cách chính đáng mà không lên tiếng đáp lại, thì thà gác quách quản bút đi thôi. Viết nữa làm chi, nếu mình không chịu trách-nhậm ngòi bút mình ?

Kiểm duyệt bỏ

Trên khoảng dừng bút, tôi cầu thanh minh cùng độc giả : những nhà văn mà tôi nói trên kia phần nhiều là những nhà văn mà tôi vẫn hằng có cảm-tình, một thứ cảm-tình mà tác-phẩm của họ là môi-giới.

Tôi thành - thật viết vì tư-tưởng-giới nước nhà, vì sự ham tìm lẽ phải.

Mong rằng sự thờ-ơ của những nhà văn đối với ngòi bút mình từ nay không còn nữa.— P. M. P.

(1) Ông Khái Hưng chẳng những làm thinh trong việc nay, lại còn im lặng trước những vấn-đề ma bạn Hoa-Bằng đã to ý dị đồng với hoặc lên tiếng tranh luận cùng, như : « Vấn đề dùng đại danh-từ ». (Coi Ngày Nay số 187, 188 ; Nước Nam số 45, 46) và « Sử liệu văn-học không phải câu chuyện tiểu-thuyết » (Coi Nước Nam số 86 ; Chủ Nhật Tuần-Báo số 1).

(2) Ngoài mấy việc này, người ta còn thấy có việc ông Trần-Trọng-Kim bị ông Ngô-Tất-Tố công-kích về quyền Nho-giáo, thế mà không thấy tác-giả Nho-giáo trả lời.

TIỂU - THUYẾT LỊCH - SỬ

BÀ QUẬN MỸ

CHU THIÊN viết

SỐ 2

THIẾU-NIÊN ưa đọc xong, mọ người đều ồn-ào nói:

— Như thế còn phải đợi một g'ờ nữa kia à ? Bây giờ mới độ đầu thìn thôi chứ ?

— Không, bây giờ vào giữa thìn rồi. Mặt giời đã lên quá ngọn cây.

— Chúng ta đi lai đằng chùa Báo T en (1 xem đi, Quận-chúa còn ra lễ ở chùa ấy trước, rồi mới ra đây'

●

Tất cả những người ở đấy đều ùa nhau lai đằng chùa Báo-Thiên, ho c tản mát về lối Phủ Thường Tướng (ở mạn phố Đường Thành bay giờ) Mọi người đều chăm chú muốn được trông rõ dung nhan nang Bạch Lan, một q ận-chúa bấy lâu vẫn được tất cả quốc-dân trầm trồ về nhan sắc và tài trí phi-thường. Hơn nữa nàng lai là con một vị đại thần quyền-thế và có danh vọng nhất ở đương triều, vua phải nể, tram quan phải sợ, nên đã kéo được cơ man nào là người rắp ranh bắn sẻ. Người ta còn mến phục gấp bội nữa vì gia-thế và tính tình kỳ-di của nàng.

Con gái trưởng Thừa Tướng Thường quốc-công Nguyễn Quyện, Bạch-Lan quận chúa là cháu Lại-bộ Thượng-thư Thư quốc công Nguyễn-Sảnh, Trạng-nguyên khoa Nhâm thìn, niên hiệu Đại chính năm thứ ba (1532) triều vua Thái Tôn Văn Hoàng-đế (Mạc Đang Doanh). Nhà nàng phát tích từ đấy. Nguyễn-Sảnh người làng Canh-Hoạch, Thanh oai, cùng làng với cậu là Nguyễn - Đức - Lượng, đỗ Trạng-nguyên, năm Giáp-tuất, niên hiệu Hồng-Đức thứ sáu (1475) triều vua Lê Thánh Tôn.

Lúc này, họ Nguyễn thật có quyền vô-đối ở Triều. Cái quyền ấy cũng do tình thế mà có. Nguyên từ năm Canh-tuất, niên-hiệu Cảnh-Lịch thứ ba (1552), vua Mạc Phúc-Nguyên nghe lũ Phạm-Quỳnh, Phạm-Giao (người ở Thịnh-liệt, Thanh-trì) gièm bọn Nguyễn Sảnh âm-mưu làm phản, bèn sai bắt bọn Nguyễn Sảnh và thông-g'a là Phụng quốc Công Lê Bá-Ly. Nguyễn-Sảnh với con là Nguyễn-Quyện (con rể Lê-bá-Ly), Nguyễn Thận, Nguyễn-Mỗi cùng Lê-Bá-Ly bỏ trốn về giúp Lê Trang-Tôn.

Bọn ấy đi rồi, trong triều Mạc không còn ai là danh tướng có thể theo kịp Nguyễn-Quyện. Hơn nữa bên Lê lại dùng ngay bọn ấy về đánh phá vùng Thanh-hóa. Tướng Mạc là Mạc-kinh-Điển, Mạc-ngọc-Liễn phải chật-vật gian-nan cũng không làm gì được. Phúc-Nguyên đâm hối lại ; nhiều lần viết mật-thư vào khuyên Nguyễn-Sảnh về, và hứa hẹn đủ mọi thứ. Nhưng Nguyễn Sảnh không nghe, tấm thân già không muốn sớm Tần, tối Sở.

Mãi đến năm Đinh-Tị (1557), Nguyễn-Sảnh mất, Phúc-Nguyên lại đưa thủ-thư vào. Nguyễn-Quyện đương bất-bình với Trịnh-Tùng, liền lẻn đem quân bản-bộ về phò Mạc. Vừa trở về tháng bẩy, thì tháng chín, Nguyễn-Quyện đã đánh tan quân của Thái-sư Trịnh-Kiểm ở Sơn-nam, phá vỡ thủy-quân của Phạm-Đốc trên sông Giao-thủy, chém Tiên-phong Phiêu-Kỵ tướng-quân Phạm Đức Kha, đuổi riết quân Trịnh về mãi Thanh-hoa. Từ đấy tài danh Nguyễn-Quyện ngày một lẫy-lừng, việc nước nhớn-nhỏ đều cầm trong tay Nguyễn.

Phúc-Nguyên mất. Mac-Mậu-Hợp lên (năm Nhâm-tuất, 1562), lại càng trọng dụng Nguyễn lắm : Tôn phong Nguyễn làm Đại Nguyên-soái, Thừa-tướng Thưởng-tể, giữ cả mọi quyền binh trong nước. Mậu-Hợp lại kén con gái thứ ông làm Hoàng-hậu.

Cái thanh-danh ấy đã nâng Bạch-Lan quận-chúa lên cao lắm rồi. Huống chi còn nhan-sắc nàag, tính-tình nàng, tài trí nàng, cái gì cũng khác người nữa.

Nàng tên thực là Thị-Niên, Bạch-Lan quận - chúa chỉ là tên hiệu. Người ta thường gọi nàng là Bạch-y-nương, vì nàng thích mặc áo trắng nhất và bao giờ cũng chỉ mặc đồ trắng. Cái lối ăn mặc như vậy, thời ấy cho là quái gở, nhưng cha mẹ cũng chiều, vì nàng là một con cưng nhất.

Một hôm, Nguyễn phu-nhân rước một vị đạo-sĩ danh tiếng đến nhà và hỏi về cách ăn mặc như thế có hại gì ! Nhà đạo-sĩ cho rằng đó là làm theo thiên tính, rất khó đổi được ; vả, ưa màu trắng, tỏ ra là người rất trong-sạch từ thể-phách đến tâm-tư. Sau này dầu nàng có gặp lắm bước gian truân điên-đảo, nhưng tấc lòng trong-trắng và tấm thân tuyết sạch vẫn y-nguyên !

Nàng lại rất yêu hoa lan, Nguyễn tướng-công gọi nàng là Bạch Lan quận chúa. Nàng hiền lành, dịu dàng và giản dị. Mọi người xung quanh, ai cũng mến yêu nàng, nên những đức tính của nàng truyền đi rất chóng, đâu đâu cũng biết.

Nàng thông-minh [redacted] : văn, học thông kinh-sử ; võ, học đủ binh-thư, binh-pháp, và các lối kiếm, kích, cung, đao... Nàng cùng cha đã đã đi nhiều trận làm cho quân địch táng đởm kinh-hồn. Khắp gần xa, thanh-danh nàng đã lừng lẫy cùng

(1) Chùa Báo Thiên ở chỗ Nhà thờ lớn bây giờ. Làm từ đời nhà Lý, đến năm 1886 phá đi để làm Nhà thờ lớn ở đấy.

(Xem Tri-Tân số 1)

với thanh danh họ Nguyễn. Bao nhiêu vương-tôn công-tử nơi quyền-quý đều nhờ mối manh, lăm-le sánh vai người ngọc, song thảy đều bị khước từ. Nay nhân ngày đại-thí kén rể, khach bốn phương đều nô-nức đến dự để mong giựt được cai may.

II

Cuối giờ thìn. Mặt giời đã đứng ngang giời, ánh nắng đã dần-dần thi oi bức với hơi nóng ở đám đông người. Trên bờ hồ Thủy-quân, công chúng đã đứng thành hàng đông nghịt quay mặt trông về lối huyện Vĩnh-Xương : Một đám rước ở chùa Báo-Thiên chảy ra, tiếng hò reo vui vẻ của công chúng theo sau đám rước vẳng lại mồn-một, nó ào-ào như một buổi chợ đang đông. Đi đầu đám rước, một giẫy cờ vóc đỏ chói, cán sơn đen bóng. Tiếp đến hai mươi người lính thuộc vệ quân Thần-vũ mặc áo nỉ đỏ, ngoài thắt ngang giây lưng xanh, đội nón sơn, vai vác gươm sáng loáng. Theo liền có đội quân Cẩm-y ba mươi người, đội mũ vải vuông màu mỡ gà, mặc áo nỉ điều, chân đi ủng đen, tay cầm kiếm. Hàng thứ tư là phường bát-âm của Tướng-phủ. Rồi đến một thiếu-nữ, vận đồ trắng toát, cầm trống lệnh. Đi liền đấy là long-đình rước Quận-chúa. Long-đình sơn son thếp vàng, bốn phía có bức rèm đỏ thêu rồng vàng, hai thanh kiệu là tượng-hình hai con rồng vàng khè, do tám nữ tì trẻ măng vận toàn đồ trắng, kiệu trên vai. Hai bên bốn chiếc tàn vóc thêu, viền chân chỉ hạt bột, do bốn tên phu chít khăn, mặc áo thụng xanh, cầm đi kèm long-đình để che ánh nắng. Đi sau, hai viên quan mặc lễ phục, áo đen dài thêu rồng vàng múa trên giẫy núi, mũ cánh chuồn cài hoa bông trắng, hùng dũng trên hai con ngựa ô : Đấy là viên Đô đốc Kinh-Thành và viên Phủ doãn Phụng-Thiên. Rồi đến bọn thị-nữ đi hầu Sau rốt là những người đi xem ùa theo như nước chảy.

Đi đến bờ hồ, đám rước rẽ ra làm hai : một toán cờ và đội quân Thần-Vũ rẽ về phương bắc rồi dừng lại quay mặt ra hồ ; một toán cờ và đội quân Cẩm-y rẽ về phương nam, cũng dừng lại quay mặt ra hồ. Long đình từ từ hạ xuống. Một giẫy thuyền gỗ của đội Thủy-quân đã đợi sẵn đón Quận-chúa lên lầu. Một tràng pháo dài nổ Khói um, mờ tỏa mặt hồ. Mọi người đều chú mắt trông ra lầu. Bạch-y-nương đã ở trên lầu phẳng phất như một vị thần-tiên. Đầu đội mũ đỏ nạm ngọc và kim-cương óng-ánh, mình mặc áo trắng, thắt giải xanh, quấn xiêm bằng lụa ngà, đi đôi hài cánh phượng, trông nổi bật hẳn lên, có vẻ vừa huyền ảo, vừa lồ-lộ. Đôi mắt lóng lánh dưới cái trán cao, đôi mi dài và nhỏ, đôi má hây hây mịn như quả đào chín, cái mũi xinh-xắn, cái miệng tươi với đôi môi đỏ thắm, trên khuôn mặt bầu-bầu Cái đẹp lộng lẫy và mơn-mởn kia đã quyến rũ biết bao cặp mắt đa-tình trắm-trồ, khao-khát.

Uyển truyền đưa tấm thân yểu điệu mà rẩn chắc ra cửa lầu, nàng mỉm cười khẽ cúi đầu chào tất cả công chúng. Tiếng hoan hô vang dạy một góc giời. Trong đám đông có những tiếng thì thào :

— Đẹp tuyệt ! Đẹp quá, nhỉ ! Thật là *tuyệt-thế giai-nhân* ! Người ta đồn quả không sai nhỉ !

— Thế mà lại văn hay, võ giỏi, rõ là *nữ-trang anh-kiệt* ! Ai mà lấy được thật diễm-phúc một đời !

— Lại về tay anh nào võ giỏi, văn hay, chớ gì ? Bác có thấy Cả Bích Hải-dương à ? Còn đê nhị công-tử con Đại Tương Ngọc Liên cũng ở Kinh-Bắc về rồi, tôi vừa gặp đấy !

— Chà ! Lũ ấy, ăn thua gì ! Thiên hạ còn chán vạn người tài gấp mấy !

Mọi người im hẳn Đám rước Hoàng-hậu và các quan triều cũng vừa đến, vào khán đài. Nhân dân nhốn-nháo cố nghển cổ để nhìn xem.

Bỗng ba hồi chín tiếng trống vừa điểm xong, lính tuần thành đã riễu quanh công chúng để canh giữ trật-tự. Quan Đô-đốc Kinh-Kỳ giám cuộc đã bệ vệ dưới bốn lọng vàng trên cái sập hồ-phù chân quỳ. Quan Phủ doãn Vĩnh-Xương đứng trước một cái hương án che ba lọng vàng, ngoảnh mặt ra đám đông sắp-sửa đọc một tờ gì ông đương cầm ở tay. Đâu đấy im-lặng. Viên phủ-doãn cao tiếng đọc :

« Phụng mệnh Hoàng-đế, phụng lệnh Thừa tướng Thưởng-lễ và theo ý Bạch-Lan quận-chúa, bản quan công-báo tất cả đồng dân đều biết :

« Đáng như tờ thông-sức cho các quan phủ huyện ngày mồng mười tháng bảy và tờ niêm yết ở Kinh-kỳ ngày mười hai tháng tám này, hôm nay, bắt đầu từ giờ tỵ, có cuộc thi bắn để tất cả đồng dân cùng dự. Những người dự-thi phải vào biên tên tuổi sinh quán trước mặt quan Đô-đốc giám-cuộc. Mỗi người được bắn hai lần, tức là sán phát. Người nào lần lượt bắn ba phát đồ rồi ba hình-nhân thì được biên tên để ngày mai vào kỳ thị chót. (Còn nữa)

Nguyễn đình Liên
Maison de Confiance
Objets d'art anciens et modernes
108, Rue Jules Ferry — Hanoi

TRUYỆN NGẮN

VỀ QUÊ...

của BẢO - VÂN

— DẬY đi, cháu! Sáng đã lâu rồi!

Nghe tiếng gọi, Sơn vươn mình, xô chiếu trùm đầu xuống. Ánh mặt trời đầu thu, lọt qua khe cửa, chiếu thẳng vào chỗ chàng nằm. Mắt chàng vừa hé mở, thấy chói, vội nhắm nghiền ngay lại. Tuy không trông đồng hồ, Sơn cũng biết là đã muộn lắm, nhưng chàng vẫn nằm nguyên. Dần dần quen với ánh sáng, hai mắt chàng lim-dim mở.

Một đêm lạnh mát ở nhà quê khiến chàng thư-thái, dễ chịu. Cái yên lặng buổi sớm ở quê thôn trái hẳn với vẻ tưng-bừng rộn-rịp ở thị-thành, làm Sơn lan-man nghĩ đến cuộc về thăm nhà tối hôm qua.

Lúc ở tỉnh ra về, giời đã sầm tối. Đường về nhà chàng lại dài hơn 20 cây số. Dù sao, chàng cũng quả quyết đi, đi bằng xe đạp...

Dưới ánh trăng xuông, Sơn gò lưng, đạp... Hơn một giờ sau, chàng đã về tới cổng nhà. Vì thầy mẹ Sơn buôn bán ở tỉnh, nên ở nhà quê chỉ có cô chàng trông nom.

Nghe tiếng gọi, cô chàng ra mở cổng và, khi thấy chàng, vội reo lên: « Ồ cháu! » Hai tiếng đó đủ làm Sơn cảm thấy tất cả nỗi lòng mong mỏi của cô.

Vào trong nhà, chưa kịp cởi áo, chàng đã nghe rối-rít những tiếng vồn-vã hỏi-han:

— Cháu về tối quá nhỉ? Cháu ăn cơm nếp nhé! À, có quả na cô để trong tủ ấy! Cháu rửa mặt không?

Lòng Sơn như dịu lại và thoáng có cảm giác là mình còn « bé bỏng ». Rồi, đến nửa đêm, khi chàng cựa mình... đã thấy chiếc chiếu còn mùi cỏ mới đắp trùm đầu. Có lẽ vì sợ đêm lạnh và nhiều muỗi nên cô chàng đã đắp cho.

Nghĩ đến đây, Sơn vừa toan gạt chiếu ngồi dậy, thì cô chàng đã đẩy cửa bước vào, đặt một chén nước chè tươi nóng hổi lên trên bàn. Thấy cháu còn nằm, cô chàng giục:

— Cháu ra rửa mặt rồi còn ăn cơm để cho cô đi chợ chứ! Hôm nay chợ Huyện đấy. Cháu đi xe đạp chắc mệt lắm nhỉ? Đêm nằm có lắm muỗi không?

— Không ạ! Sơn chả biết nói gì hơn thế.

Chàng khoan khoái bước ra thềm: Chậu thau đầy nước trong và chiếc khăn bông mới, cô chàng đã đặt sẵn đó.

Nhúng tay vào nước mát lạnh, Sơn thấy dễ chịu và hết mọi vẻ mệt mỏi.

Ngồi ăn cơm, cô chàng luôn luôn giục chàng gắp thức ăn, những món ăn thanh-đạm, song Sơn thấy ngon lành làm sao! Chàng ăn rất khỏe.

Cơm xong, thu vội mâm bát và rót cho chàng một bát nước, rồi cô chàng đội rổ rau bí, vừa mới hái, đi chợ.

— Cháu ở nhà nhé, cô về ngay. Còn mấy quả na cô dấm đã chín đấy!

— Vâng ạ, vừa nói, Sơn vừa nhìn theo rổ rau bí màu xanh già khuất sau cánh cổng.

●

Đã lâu lắm, có nhẽ non một năm nay, Sơn mới lại về thăm nhà. Chàng nhận thấy cô chàng gầy và già hơn trước nhiều lắm.

« Ngót năm mươi tuổi rồi còn gì! » Ý đó chỉ thoáng qua cũng đủ khiến Sơn đượm buồn, nghĩ ngợi...

Cô Sơn là chị ruột cha chàng. Ông bà chàng được một giai và ba gái — cha chàng và ba cô. Hai người cô sau mãi đến năm gần ba mươi tuổi mới lấy chồng.

Sở dĩ thế, là vì ông nội Sơn là một nhà thanh-bạch. Tuy vậy ở trong làng, theo vai-vế, vẫn còn là bậc đàn anh. « *Tiếng cả, nhà thanh* », lại thêm « *cao không tới, thấp không thông* », những lẽ ấy đã khiến các cô chàng « cao số »!

Lúc sinh thời, ông chàng chỉ lấy thú ngâm-vịnh làm đầu, bỏ mặc việc nhà, không quan tâm đến. Lại thêm một mực chờ nơi « môn đăng hộ đối », nên mới đầu còn có một vài đám dạm hỏi, sau cũng dần thưa! Hình như họ đã bảo nhau xa lảng...

Mãi tới sau khi ông Sơn mất, cha Sơn quả quyết và khôn khéo lắm mới lập được gia-đình cho hai em. « Tuy lấy kế, song cũng yên phận », cha Sơn vẫn bảo thế và thêm: « Tao

làm thế để cho các cô ấy đỡ khổ về sau và khỏi mang tiếng với người ngoài ».

Thực ra, hồi đó Sơn chưa hiểu gì, nên vẫn ngầm oán cha chàng quá nghiệt-ngã đã khiến cho hai cô chàng phải xa nhà. Ở nhà, Sơn vẫn được các cô nuông chiều hết sức. Tuy vậy, chàng còn một an-ủi là vẫn còn một cô ở nhà. Chàng ước ao rằng cô chàng sẽ không bao giờ đi lấy chồng nữa.

Ý định đó đến nay đã thành sự thực, nhưng không khiến Sơn sung sướng nữa. Chàng chỉ còn buồn và thương cô mỗi khi trở lại nhà.

Mỗi tết, khi cả nhà Sơn, thầy mẹ Sơn và các em nô đùa, trước những câu nói ngây-thơ ngộ-nghĩnh của các em chàng, cô chàng cũng cười theo. Tuy thế, tinh ý, Sơn vẫn nhận thấy vẻ gượng gạo ở trong. Và nhiều lần, chàng bắt chợt cô chàng bế em bé của chàng ép đầu vào mà mà rưng rưng nước mắt. Cũng vì thế, nên Sơn càng thương cô lắm. Mà cô chàng cũng rất yêu chàng. Sơn chưa chắt nghĩ lại khi còn bé, cô chàng vẫn âu yếm hỏi :

— Ngày sau, cháu làm gì ?

Ngây-thơ chàng đáp :

— Nhớn, cháu thi đỗ, làm... được nhiều tiền.

— Cháu làm được tiền sẽ biếu ai?

— Cháu biếu thầy me cháu. Cháu biếu cô.

Lời nói hồn-nhiên đó cũng đã khiến cô chàng đặt cả hi-vọng vào chàng.

Nhưng ngày nay? Sơn mỉm cười khi nhận thấy mình vẫn còn bông lông chưa làm gì hết Song lòng mong mỏi của cô vẫn không bao giờ nguội lạnh...

Đi chợ, cô chàng lại vào bếp loay-hoay làm cơm. Mọi việc đều do cô chàng lam cả vì còn có ai giúp nữa? Lắm lúc Sơn lần xuống bếp, lại bị gạt, đuổi lên nhà.

Bữa cơm chiều hôm đó, Sơn cảng thấy ngon miệng không phải là ở những thức ăn mới mua ở chợ về, mà là do sự săn sóc của một người cô.

Nắng tàu đã nhạt. Dưới ánh sang dịu dang, những lá chè phô màu non tươi vui mắt. Sơn sắp sửa xe để lại lên tỉnh. Đương quét sân, cô chàng hỏi :

— Cháu lại đi ngay ư? Hay để nai cỗ thôi cơm sớm ăn rồi hãy đi cũng còn kịp cơm ăn

Giá mọi lần thì, khi đã định, Sơn không bao giờ thay đổi ý-kiến. Lần này, nhận thấy trong tia mắt của cô bao nhiêu vẻ mong nai, Sơn không sao dằn lòng đi được. Chàng vui vẻ :

— Vâng, cháu đi quanh làng một chút.

— Rồi về sớm còn ăn khoai nhé ..

Sơn thấy khoan khoái trong lòng...

Bảo-Vân
(*Thái-Bình*)

THOÁI-NHIỆT-TÁN HỒNG-KHÊ

Cảm, sốt, nhức đầu, đau sương đau mình, trẻ con người lớn chỉ uống một gói Thoái Nhiệt-Tán hiệu Phật 12 tay giá 0p.10, 5 phút ra mồ hôi khỏi hẳn.

THUỐC KHÍ HƯ

Các bà bị bệnh ra khí hư (sích bệch đái hạ) uống đủ các thứ thuốc không khỏi, chỉ dùng một hộp thuốc khí hư Hồng-Khê số 60 giá 1p.00 uống trong và một hộp thuốc Ninh-Khôn Hoàn Hồng-Khê giá 1p.50 đỏ vào cửa mình là khỏi rứt. Trăm người chữa theo cách này khỏi cả trăm.

ĐIỀU KINH DƯỠNG HUYẾT

Các bà các cô kinh không đều máu sấu uống thuốc Điều kinh dưỡng huyết Hồng-Khê (0p.50 một hộp) kinh đều huyết tốt ngay.

THUỐC « CAI HỒNG-KHÊ »

Không chộn lẫn chất thuốc phiện (nhà đoan đã phân chất), nên ai ai cũng có thể bỏ hẳn được, mỗi ngày hút một đồng bạc thuốc phiện, chỉ uống hết 0p 20 thuốc cai là đủ vẫn đi làm việc như thường, thuốc viên 0p.50 một hộp, thuốc nước 1p 00 một chai.

THUỐC PHONG TÌNH HỒNG-KHÊ

Giây thép buộc ngang giời. Thuoc Hồng-Khê chữa người lẳng lơ ! Hai câu sấm này, ngày nay quả thấy ứng nghiệm, vì ai bị lậu không cứ mới hay kinh-niên uống thuốc lậu Hồng-Khê số 30 mỗi hộp 0p 60 cũng rứt nọc, ai bị bệnh giang mai không cứ về thời kỳ thứ mấy, mới hay đã nhập cốt rồ , uống thuốc giang mai số 14 cũng khỏi rứt nọc một cách êm đềm không hại sinh dục, nên khắp nơi đâu đâu cũng biết tiếng.

NHÀ THUỐC HỒNG-KHÊ

Tổng cục : 75 Phố Hàng Bồ. *Chi nhánh* 88 Phố Huế Hanoi và đại-lý các nơi.
Có biếu sách GIA-ĐÌNH Y-DƯỢC và HOA-NGUYỆT CẨM-LANG để phòng thân và trị bệnh.

THƯỜNG THỨC

LỊCH SỬ TƠ NHÂN TẠO

BẠCH-DIỆN

Tơ nhân-tạo (soie artificielle) còn một tên riêng nữa là rayonne. Ở Pháp, khi mới chế ra thứ tơ hóa-học này, vẫn được gọi là soie artificielle. Nhưng sau, Chính-phủ xét ra giá trị nó kém tơ tằm nhiều nên ra một đạo nghị định đặt tên nó là rayonne để khỏi lẫn với tơ tằm là một thứ tơ quí-giá.

Ở ta, có nhiều người không biết, gọi tằm bậy nó là tơ chuối, vì tưởng lầm tơ đó chế bằng bẹ chuối hoặc tre non.

Ngày nay tơ nhân tạo đã chiếm được một địa-vị khá quan-trọng trong nghề dệt xứ ta, nên chúng tôi thử khảo cứu về thứ tơ hóa-học ấy.

◆

NGƯỜI ta chế ra được tơ cũng là do ở cái quan niệm « nhân định thắng thiên », muốn lấy sức người để chế ra những vật hiếm có của thiên-nhiên. Như xưa kia, các nhà luyện kim hóa học (alchimistes) đã có cái mộng tưởng « điểm đá thành vàng », mà ngày nay các nhà hóa học cũng đã thực hiện được việc chế ngọc và vàng nhân tạo.

Tơ tằm là một thứ quí giá trong đồ mặc của loài người.

Nhưng, theo ông C. F. Cross, một nhà hóa học nước Anh, thì tơ là một thứ có thể chế ra được, không riêng gì loài tằm sản ra được thôi.

Các giống côn trùng khác, như con nhện chẳng hạn, cũng nhả ra được tơ để làm lưới. Đã có người định dùng tơ nhện thay cho tơ tằm. Đầu thế kỷ thứ 18, một nhà tự nhiên học (naturaliste) nước Pháp là ông Bon dùng tơ nhện dệt thành bì tất, nặng gần 100gr. Nhưng sau xét ra tơ nhện không bền, không dai, không thể thay cho tơ tằm được.

Vậy chỉ có loài người dùng óc khoa-học mới chế được tơ thay cho tơ tằm.

Năm 1754, một nhà khoa-học Pháp là ông Rhéaumur, viết cuốn sách khảo về lịch sử côn trùng (histoire des Insectes), có nói : « Tơ tằm không phải là một chất gì khác đâu, chính là một chất keo (gélatine) để khô đi mà thành vậy. Sao loài người ta không biết lấy những chất có nhựa để chế ra tơ ? »

Chính ông Rhéaumur đã thí-nghiệm nhiều lần về công-cuộc đó. Ông dùng một cái hộp bằng sắt hay bằng thiếc, dưới đáy có châm những lỗ nhỏ. Ông đổ những chất keo đầy hộp rồi ép mạnh xuống, khiến những chất keo chầy qua lỗ nhỏ mà ra ngoài, gặp không khí, khô đi, thành những sợi tơ rất nhỏ. Song những sợi ấy ròn quá, không thể dùng được. Tuy nhiên, công việc thí-nghiệm của ông Réaumur đã gây nên một cơ-sở cho người sau về việc chế tơ nhân tạo.

Năm 1845, nhân việc ông Schobain phát minh ra chất nitro-cellulose (tiêu toan tiêm-duy), công việc chế tơ nhân tạo đã hơi có đầu mối. Mười năm sau (năm 1855), một nhà hóa học Thụy sĩ là ông Audhémar dùng chất nitro-cellulose chế ra tơ để bán.

Năm 1883, một người Anh là ông J. W. Swan lấy acide acétique (thố-toan) pha vào nitro-cellulose cũng kéo ra được những sợi tơ nhỏ. Trải một năm thí-nghiệm ông liền dùng thứ tơ ấy mà dệt thành lụa, đem trưng bày cho thiên hạ coi.

Tuy nhiên, những việc thí-nghiệm của các ông chưa được người đời chú ý tới, là vì nó chưa có kết quả mỹ-mãn.

Duy có công việc thí-nghiệm của ông Cout H. de Chardonnet là được nhiều người lưu ý và đều công-nhận ông là người đã phát-minh ra tơ nhân-tạo, vì thứ tơ do ông chế ra đều thích dụng cho mọi người.

Ông Chardonnet là môn-đồ Pasteur tiên-sinh. Pasteur tiên-sinh thường hay nghiên-cứu về chứng bệnh của giống tằm, phát kiến được nhiều điều ích lợi cho nghề tằm tang ; nên tiên-sinh có ảnh-hưởng rất lớn trên công việc chế tơ nhân tạo của môn-đồ.

Đem lý-thuyết chế tơ nhân tạo ra thực-hành (1878), ông Chardonnet để tâm nghiên-cứu kỹ càng từ lúc con tằm ăn lá dâu cho đến khi kéo ra sợi tơ. Ông nhận biết rằng lá dâu là một chất tiêm-duy-tố (cellulose), nên lấy chất tiêm-duy-tố làm nguyên-liệu để nghiên-cứu.

Năm 1884, ông Chardonnet lấy chất tiêu-toan tiêm-duy (nitro-cellulose) ngâm tan vào rượu cao chữ có trộn dầu nhãn (éther), kéo ra được tơ. Chế thành tơ rồi, song ông vẫn không gọi nó là tơ nhân-tạo. Trong bản báo cáo đệ-trình Khoa-học Hàn-lâm-viện nước Pháp, ông viết là «*một thứ sợi giống tơ tằm*». Xét ra cái tên ông đặt cho nó đó rất đúng, vì bề ngoài tuy nó giống tơ tằm song cách chế hóa thì khác hẳn.

Năm 1889, ông đem những thứ hàng dệt bằng chất tiêm-duy đó — hay nói cho đúng là chất collodion — trưng bày ở Paris cho mọi người tới xem. Cuộc trưng-bày này được trí-thức giới và tư-bản giới rất chú ý. Vì vậy, chẳng bao lâu một xưởng chế tơ nhân-tạo thành lập tại Besançon.

Phương-pháp chế tơ của ông Chardonnet lúc khởi thủy gặp nhiều nỗi khó-khăn. Mà nỗi khó-khăn thứ nhất là chất tiêu - toan tiêm - duy, một thứ thuốc nổ dễ bén lửa quá. Nhưng sau ông cũng vượt qua được những nỗi khó khăn ấy : Ông dùng một thứ thuốc tẩm vào làm cho mất tính chất dễ bén lửa của tơ ấy đi. Từ đó giở đi, nghề chế tơ nhân-tạo càng ngày càng tiến-bộ.

Đại khái cách chế tơ nhân tạo của ông Chardonnet như vầy :

Lấy bông tẩm vào một thứ nước có trộn acide nitrique (tiêu-toan) và acide sulfurique (lưu-toan). Bông đó thành ra chất tiêu - toan tiêm - duy, người ta thường quen gọi là coton poudre hay fulmicoton. Đem bông ấy ngâm vào rượu cao chữ (alcool 90) có pha dầu nhãn (éther), bông sẽ tan ra thành collodion (kha-lộ-địa-âu hay giao - miên). Lấy một cái ống bằng pha-lê dưới đáy có châm nhiều lỗ nhỏ, đổ collodion vào rồi ép mạnh xuống, collodion chảy qua những lỗ nhỏ ra ngoài, gặp không-khí rượu có dầu nhãn bay đi, còn lại sợi tơ nhỏ. Sau đó mới dùng một chất thuốc gọi là sulfure d'ammonium (lưu - hóa - an) mà làm cho mất tính chất dễ cháy ở tơ đi.

●

Tới năm 1890, ông Louis Henry Despeisses lại tìm ra được một phương - pháp chế tơ nhân tạo khác nữa : Ông lấy tiêm-duy ngâm tan vào thuốc liqueur de Schweitzer rồi cũng chế ra được tơ.

Sau đó các nhà bác học như Emile Bronnert, Max Fremery, John Urbain cũng nghiên-cứu tới phương-pháp của ông Despeisses và có sửa đổi đôi chút cho được hoàn thiện hơn.

Xét ra phương-pháp chế tơ của ông Despeisses cũng giống như phương-pháp của ông Chardonnet, duy có chất thuốc thì dùng khác nhau. Phương-pháp chế tơ của ông Despeisses như sau này:

Ngâm cellulose vào thuốc liqueur de Schweitzer cho tan ra rồi đổ vào cái ống pha-lê có lỗ nhỏ. Khi ép xuống có sợi tơ chảy ra. Đem tơ đó ngâm vào thuốc có pha acide sulfurique rồi lại phải rửa bằng acide acétique.

●

Công việc chế tơ nhân-tạo càng ngày càng tiến bộ. Ba nhà hóa học nước Anh là các ông C. F. Cross, E. J. Bevan và C. Beadle lại phát minh ra một phương pháp khác nữa, gọi là viscose.

Ba ông căn-cứ vào chất alcali-cellulose (nột hóa tiêm-duy) và coton mercerisé (bông tẩm vào soude caustique) mà phát minh ra được phương pháp này.

Khoảng năm 1892, ba ông nhân nghiên-cứu về sự phản ứng (réaction) của thuốc a-tính nột (soude caustique) với tiêm-duy-tố, phát-kiến được một chất nhựa gọi là viscose (giao phiến).

Phát minh được phương-pháp chế tơ bằng viscose, ba ông đã mở một kỷ-nguyên mới trong công nghệ chế tơ nhân-tạo. Vì phương-pháp này so với phương-pháp của các ông Chardonnet và Despeises được lợi hơn : tơ chế ra có thể bán được giá rẻ, nguyên liệu và thuốc men dùng để chế ra tơ không phải là những thứ đắt tiền. Song lúc đầu ba ông đã gặp nhiều nỗi khó-khăn : Ba ông đem phương pháp của mình vào công xưởng chế tạo cho nhiều, liền bị thất bại.

Tuy nhiên ba ông cũng không nản chí, cứ gia công nghiên-cứu mãi, rồi sau hái được kết quả rất tốt đẹp. Ngày nay, trong số tơ nhân-tạo sản xuất trên thế giới thì chín mươi phần trăm đều theo phương pháp viscose này cả.

Bông thuốc

«BEAUTY D'OR»

CHỮA BỆNH HÔI NÁCH

▼

Hôi nách là một bệnh làm cho các bạn lúc nào cũng bực mình về sự không được vệ-sinh.

Chúng tôi mới chế theo lối hóa-học thứ thuốc này, khi nào thấy hôi ở nách xông ra thì lấy bông « BEAUTY D'OR » tẩm vào nước cho ướt rồi lau vào nách, các bạn sẽ thấy sức mạnh ấy biến hết, nếu bạn nào mới mắc, chỉ dùng 1 gói là khỏi hẳn.

Bông « BEAUTY D'OR » một gói dùng được 10 lần, giá 0p 50

BÁN TẠI HIỆU

VĨNH - TÂN

25, Phố Hàng Trống — Hanoi

Ngoài ba phương pháp nói trên, lại còn nhiều phương-pháp nữa là dùng chất acéto-cellulose (thổ toan tiêm duy) để chế ra tơ.

Theo như sự kê cứu của ông Avram, thì vào khoảng năm 1869, một nhà hóa học là ông Nandin đã nghĩ ra phương pháp này. Sau đó, các ông C. F. Crosse, E. J. Bevan, Le Leres và hãng Bayer et C· cũng có nghiên cứu tới.

Đến năm 1894, ông Crosse theo phương pháp này chế ra tơ để bán.

Qua năm 1907, một người Đức là ông Guide Henckel cũng chế ra tơ nhân tạo bằng chất acéto-cellulose đem bán trên thị-trường thế-giới.

Trong hồi Âu-chiến 1914-1918, một hãng chế tạo thuốc hóa học của Anh có lập một xưởng chế sơn bóng (vernis brillant) để sơn máy bay. Thứ sơn này do ông chủ - nhậm của hãng là kỹ-sư Dreifus phát minh ra. Muốn chế được thứ sơn này, cũng phải dùng chất acéto - cellulose. Sau hồi Âu-chiến số sơn tiêu thụ ít, nhân đó người ta lại dùng chất acéto-cellulose để chế tơ.

Phương-pháp chế tơ bằng chất aceto-cellulose tóm tắt như sau này :

Lấy cellulose nguyên-chất ngâm vào nước thuốc có pha acide acétique (thổ toan) anhydride acétique (vô-thủy thổ toan) và dùng acide sulfurique (lưu toan) làm trung gian (catalyseur) được một chất nhựa trong-trẻo (masse transparente). Đem nhựa đó ngâm vào acétone (bính đồng) cho tan, rồi cũng theo như mọi phương-pháp nói trên mà kéo ra tơ.

BẠCH-DIỆN

SỬ-HỌC TÙNG-THƯ ĐANG HOẠT-ĐỘNG

Ông bạn đào-duy-Anh, ở Huế, đang tổ-chức một *Sử-học tùng thư.*

Do ông Nguyễn-văn-Tố đứng chủ biên, tùng-thư sử-học ấy chia làm 2 loại : Chuyên-san và Tập-san.

Loại Chuyên san *chia làm ba mục, in những sách khảo cứu riêng về một vấn-đề.*

Loại Tập-san *in những bài khảo cứu ngắn không đủ làm thành một quyển sách, gồm nhiều bài thành một tập.*

Tùng-thư bao quát cả lịch-sử thế-giới, nhưng chú trọng về lịch-sử Việt-nam, nhất là lịch-sử văn-hóa. Sử-học nước ta hiện còn non nớt chưa có tài liệu để biên thành một bộ lịch-sử Việt-nam hoàn toàn. Việc cần kíp bây giờ là phải tìm tòi các sử-liệu, đem ra trình bày chất chính với công chúng và lợi dụng những sử-liệu ấy để giải rõ những vấn-đề sử-học còn tối tăm. Ta phải lưu ý đến vô luận loại sử-liệu nào, và muốn cho dễ dang công việc, ta nên nhắm vào những vấn-đề riêng mà hạn chế phạm vi kê cứu.

Đại khái ta có thể hoặc chuyên khảo về nhân-vật như Ngô-Vương-Quyền, Đinh - tiên - Hoàng, hoặc chuyên khảo về sự tình như việc Trưng Trắc khởi nghĩa, cuộc chinh-biến ở cuối đời Tự-Đức. Ta lại có thể chuyên khảo về lịch-sử một địa-phương, lịch-sử một thời-đại, lịch sử một chế-độ, một tôn-giáo, một khoa-học hay một nghệ-thuật, v v...

Trong một vấn-đề riêng ấy, ta lại có thể chỉ khảo về một phương diện mà bỏ những phương diện khác đi. Những việc lớn như chiến tranh, bang giao, ta phải lưu ý đã đành, mà những việc nhỏ như tục ăn trầu, tục nhuộm răng, cách tát nước, đội nón cùng những điều vụn vặt trong cuộc sinh hoạt của nhân dân, ta lại càng nên chú ý lắm (Trích trong tờ tuyên cáo của bạn Đào-duy-Anh).

Bạn Đào-duy-Anh, đồng thời, lại làm cả Văn-học tùng thư nữa.

Sử-học và văn-học là việc chung của chúng ta ngày nay. Chắc ai cũng sẵn lòng tán-trợ và ủng-hộ cho hai cái tùng-thư này.

T. T.

TRINH DINH KINH
DIT
THÀNH ĐỨC
VERRERIE — LAMPISTERIE
Cốc thủy tinh nội hóa chịu nước nóng nước lạnh, rẻ tiền
65, RUE DES PANIERS
HANOI
Téléphone : 889
NHÀ CHẾ TẠO LÂU NĂM

THE YOKOHAMA SPECIE BANK, LTD.

FONDEE EN 1880

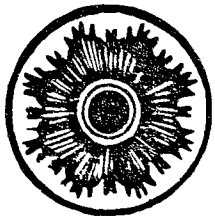

CAPITAL ENTIEREMENT VERSÉ. Yen 100.000.000
FONDS DE RÉSERVE . . . . . Yen 143.400.000

Siège Social : YOKOHAMA (Japon)

Agence de Hanoi : 43 Rue Paul Bert

(Bureaux auxiliaires à Saigon : 2 rue Pellerin)

Adresse télégraphique ;
SHOKIN - HANOI

Téléphones :
1515 et 1516

SUCCURSALES et AGENCES

Alexandrie	Dairen	Kobé	Osaka	Shanghai
Bangkok	Feng-Tien	Londres	Otaru	Singapour
Batavia	Hamburg	Las Angeles	Paris	Sourabaya
Berlin	Hankéou	Manille	Pekin	Sydney
Bombay	Hong-kong	Moji	Rangoon	Tien Tsin
Calcutta	Honolulu	Nagasaki	Rio de Janeiro	Tokio
Canton	Hsin-Kin	Nagoya	San-Francisco	Tsi-Nan
Chang-chia-Kou	Karachi	Nanking	Seattle	Tsing-Tao
Chefou	Kharbine	New-York	Semarang	Ying-Kou

CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES GRANDES VILLES COMMERCIALES DU MONDE

Comptes courants et de dépôts —
Envois de fonds — Lettres de crédit
et toutes opérations bancaires

S'adresser, pour tous renseignements, aux bureaux de la **Y. S. B. LTD.**

Imp spéciale du Tri Tân Administrateur Gérant : Dương tu Quán